

VIỆT BẮC

TỔ HỮU

I. Hoàn cảnh sáng tác

- Việt Bắc là khu căn cứ đầu não của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Tháng 7 năm 1954 hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình lập lại ở miền Bắc. Tháng 10 năm 1954, ngay sau cuộc kháng chiến chống TDP kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống và gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu Việt Bắc để về xuôi. Bài thơ được viết trong buổi chia tay lưu luyến đó.

II. Bài thơ

1. Kết cấu của bài thơ

- + Đối đáp giữa Việt Bắc và người cán bộ kháng chiến từ giã Việt Bắc. Đây là cuộc chia tay mang ý nghĩa lịch sử, cuộc chia tay giữa những người đã từng gắn bó dài lâu, đầy tình nghĩa sâu nặng, mặn nồng, từng chia sẻ mọi đắng cay, ngọt bùi, nay trong giờ phút chia tay, cùng nhau gọi lại bao kỉ niệm đẹp đẽ, cùng cất lên nỗi hoài niệm tha thiết về những ngày đã qua, khẳng định nghĩa tình bền chặt và hẹn ước trong tương lai.
- + Lời đối đáp gần gũi, thân thuộc như trong ca dao, dân ca.
- + Bài thơ vì thế mà như lời tâm tình chan chứa yêu thương của những người yêu nhau.
- + Trong đối đáp Tố Hữu sử dụng đại từ mình – ta với ý nghĩa vừa là ngôi thứ nhất, vừa là ngôi thứ hai. Tình cảm chan chứa yêu thương vì thế mà như được nhân lên. Chuyện nghĩa tình cách mạng, kháng chiến đến với lòng người bằng con đường của tình yêu.

+ Nhìn sâu hơn vào kết cấu bài thơ thì đối thoại chỉ là lớp kết cấu bên ngoài, còn ở chiều sâu bên trong chính là lời độc thoại của chính nhân vật trữ tình đang đắm mình trong hoài niệm về quá khứ gian khổ mà tươi đẹp ấm áp nghĩa tình, nghĩa tình nhân dân, nghĩa tình kháng chiến và cách mạng, khát vọng về tương lai tươi sáng. Kẻ ở- người đi; lời hỏi- lời đáp có thể xem là sự phân thân để tâm trạng được bộc lộ đầy đủ hơn trong sự hô ứng, đồng vọng, vang ngân.

2. Phân tích văn bản.

2.1. Tám câu đầu: những phút giây đầu tiên của buổi chia tay đầy băng khuâng, lưu luyến giữa kẻ ở người đi.

– Bốn câu đầu: lời ước hỏi của người ở lại.

+ Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “mười lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình.

+ Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, láy đi, láy lại cùng với lời nhắn nhủ “mình có nhớ ta”, “mình có nhớ không” vang lên day dứt khôn nguôi.

+ Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó.

– Bốn câu sau: tiếng lòng của người cán bộ về xuôi

+ Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng băng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ “cầm tay nhau” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm: chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn lưu luyến của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc. lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng “cầm tay...” diễn tả thái độ nghẹn ngào không nói lên lời của người cán bộ già từ Việt Bắc về xuôi.

+ Hình ảnh “áo chàm”- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân VB.

khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.

2.2. Mười hai câu tiếp: gọi lại những kỉ niệm chiến khu gian khổ mà nghĩa tình:

- Nhớ về thiên nhiên, cuộc sống, tình người VB:
- + Nhớ một thiên nhiên khắc nghiệt: “mưa nguồn, suối lũ, mây cùng mù”
- + Nhớ một chiến khu đầy gian khổ, nhưng sẵn lòng căm thù giặc sâu sắc: cơm chấm muối, mối thù nặng vai.
- + Nhớ những sản vật miền rừng: trám bùi, măng mai.
- + Nhớ những mái nhà nghèo nàn nhưng ấm áp tình người, tình cách mạng.
- + Nhớ những năm đầu kháng Nhật với những địa danh lịch sử: Tân Trào Hồng Thái mái đình cây đa.
- Nổi nhớ ấy được thể hiện bằng những dòng thơ lục bát đậm chất dân gian, những cặp câu thơ lục bát có sự phối hợp thanh điệu hài hòa. Sáu dòng lục tạo thành một điệp khúc âm thanh: nó đan dày thành những cấu trúc thanh bằng- trắc- bằng tạo ra nhạc điệu ngân nga trầm bổng nhẹ nhàng, khoan thai.
- Hầu hết các câu thơ ngắt theo nhịp 4/4 làm nên những tiểu đối cân xứng, hô ứng về câu trúc, nhạc điệu: Mưa nguồn suối lũ/những mây cùng mù; Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai... Có những cặp tiểu đối khắc ghi những sự kiện, có những cặp tiểu đối về đầu nói về hiện thực gian khổ, về còn lại khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Bắc gắn bó son sắt cùng với lối sống ân nghĩa thủy chung. Người đọc như gặp lại hồn xưa dân tộc trong những trang thơ lục bát của Tố Hữu.
- Câu thơ “Mình đi mình lại nhớ mình”: nhớ mình- tức nhớ người ở lại nhưng cũng như là nhắc nhở chính mình hãy nhớ về quá khứ gian khổ nhưng thấm đẫm nghĩa tình.

2.3. Từ câu 25 đến câu 42: Nổi nhớ những kỉ niệm sinh hoạt nghèo khổ mà ấm áp nghĩa tình.

Nhớ gì như nhớ người yêu

.....

Chày đêm nện cối đều đều suối xa

- Nỗi nhớ được so sánh với nhớ người yêu: Nỗi nhớ mãnh liệt và da diết.
- Từ nỗi nhớ như nhớ người yêu, Việt Bắc hiện lên với những nét đẹp rất riêng: Trăng đầu núi, nắng lưng nương cùng những tên gọi, địa danh cụ thể.
- Điệp từ “nhớ từng” lặp đi lặp lại làm cho nỗi nhớ thêm da diết. Trong kí ức của người đi còn in dấu khoảnh khắc thời gian (trăng đầu núi, nắng chiều lưng nương), từng khoảng không gian của cây, sông, suối (Nhớ từng rừng nứa... voi đày). Vẻ đẹp thiên nhiên nên thơ sẽ còn đọng mãi trong nỗi nhớ nhung của người ra đi.
- Tuy nhiên, da diết và đậm sâu hơn cả vẫn là nỗi nhớ về con người, về ân tình Việt Bắc: bình thường, giản dị mà ân nghĩa thủy chung:
- + Nhớ Việt Bắc là nhớ đến tấm lòng biết sẻ chia: bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
- + Nhớ đến nghĩa tình: người mẹ địu con, bẻ từng bắp ngô.
- + Nhưng cũng là nhớ đến đồng chí, đồng đội với bao gian nan vất vả: Nhớ sao... núi đèo

– Việt Bắc vì thế tuy gian khổ, vất vả nhưng trong kí ức vẫn thanh bình, đẹp đẽ: Nhớ sao tiếng mõ ... suối xa

=>Đoạn thơ đủ sức gợi ra thật rõ nét và thấm thía khung cảnh bản làng, tình người, tình quân dân của chiến khu những năm kháng Pháp với tất cả những dáng nét, âm thanh, không khí, tâm tình. Những câu thơ cất lên nghe sao triu mến, nói về mẹ, về trẻ thơ, về người thương yêu dấu.

2.4. Từ câu 43 đến câu 52: bức tranh tứ bình về thiên nhiên, con người Việt Bắc.

Ta về mình có nhớ ta

.....

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

- Hai dòng thơ đầu là lời khẳng định về nỗi nhớ thương da diết và tình cảm thủy chung của người ra đi dành cho quê hương Việt Bắc. Nỗi nhớ đã làm sống dậy trong tâm tưởng hình ảnh thiên nhiên, con người nơi chiến khu cách mạng.
- Thiên nhiên Việt Bắc đẹp trong sự đan cài với vẻ đẹp của con người “hoa” cùng “người”: Đoạn thơ có bốn cặp câu lục bát: câu 6 miêu tả thiên nhiên, câu 8 miêu tả con người.
- Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên trong vẻ đẹp bốn mùa:
 - + Mùa đông trên nền xanh bạt ngàn cây lá bỗng bất ngờ hiện lên sắc màu đỏ tươi của hoa chuối. Màu đỏ ấy làm ấm cả không gian
 - + Mùa xuân với sắc trắng của hoa mơ- loài hoa đặc trưng của Việt Bắc, 1 màu trắng miên man, tinh khiết, đẹp đến nao lòng.
 - + Mùa hè, với tiếng ve kêu vang ngân và sắc vàng của rừng phách.
 - + Mùa thu với ánh trăng chan hòa trên mặt đất, đem lại không khí bình yên.
- Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm của bức tranh tứ bình, tạo nên sức sống của thiên nhiên cảnh vật. Những con người Việt Bắc hiện về trong nỗi nhớ thật thân quen, bình dị, thắm lặng trong những công việc của đời thường:
 - + Mùa đông trở nên ấm áp với “ánh nắng dao giải thắt lưng”.
 - + Bức tranh mùa xuân hòa cùng với dáng vẻ cần mẫn chút chăm của “người đan nón”
 - + Bức tranh mùa hè hoá dịu dàng với hình ảnh cô em gái hái măng một mình
 - + Mùa thu là tiếng hát nghĩa tình thủy chung của con người cất lên giữa đêm trăng.
- Đoạn thơ mang nét đẹp cổ điển mà hiện đại
 - + Vẻ đẹp cổ điển: Bức tranh tứ bình hiện lên qua những nét gợi tả
 - + Vẻ đẹp hiện đại: Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm, tạo nên vẻ đẹp, sức sống của bức tranh.

2.5. Từ câu 53 đến câu 83: khung cảnh Việt Bắc kháng chiến, lập nhiều chiến công, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến.

a. Từ câu 53-> 74

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng

.....

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”

Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất hòa nhập đó là: nỗi nhớ thiên nhiên- nỗi nhớ con người cuộc sống ở Việt Bắc- nỗi nhớ về cuộc kháng chiến chống Pháp. Theo dòng hồi tưởng, người đọc được sống lại những giây phút của cuộc kháng chiến với không gian rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ.

+ Rừng núi mênh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.

+ Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù.

+ Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: núi giăng...lũ sắt, rừng che, rừng vây...

+ Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng...vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.

+ Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hùng hục trào sôi:

~ Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công... sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững chắc.

~ Các từ: Râm rập, điệp điệp, trùng trùng...thể hiện khí thế dồn dập.

~ Hình ảnh người chiến sĩ được gợi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: “ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan”-> ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.

~ Thành ngữ “Chân cứng đá mềm” đã được nâng lên thành một bước cao hơn “bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”.

+ Chiến công tung bừng vang dội khắp nơi: Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng... Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: Vui từ...vui về...vui lên...

+ Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha... như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.

+ Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, âm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng.

b. Từ câu 75- câu 83.

Đoạn thơ phác họa hình ảnh giản dị mà trang trọng của một cuộc họp Chính phủ trong hang núi mà vẫn rực rỡ dưới ánh cờ đỏ sao vàng trong nắng trưa và kết thúc bằng sự thu tóm hình ảnh Việt Bắc quê hương cách mạng, đầu não của cuộc kháng chiến, nơi đặt niềm tin tưởng và hy vọng của con người Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là những nơi còn “u ám quân thù”.

3. Đặc sắc nghệ thuật: Đoạn trích đậm đà tính dân tộc ở cả nội dung lẫn hình thức

Việt Bắc là một trong những đỉnh cao của thơ ca cách mạng Việt Nam. Tiếng thơ trữ tình- chính trị của Tố Hữu đậm đà tính dân tộc.

Nội dung:

– Những bức tranh chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc về thiên nhiên và con người Việt Bắc được tái hiện trong tình cảm tha thiết , gắn bó sâu sắc của tác giả.

– Tình nghĩa của người cán bộ và đồng bào Việt Bắc với cách mạng, kháng chiến, với Bác Hồ là những tình cảm cách mạng sâu sắc của thời đại mới. Những tình cảm ấy hòa nhập và tiếp nối mạch nguồn tình cảm yêu nước, đạo lí ân tình thủy chung vốn là truyền thống sâu bền của dân tộc.

– Hình thức

+ Thể thơ: thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình trong một bài thơ dài, vừa tạo âm hưởng thống nhất mà lại biến hóa đa dạng.

- + Kết cấu: lối kết cấu đối đáp trong ca dao dân ca được vận dụng một cách thích hợp, tài tình
- + Những lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ)
- + Giọng thơ ngọt ngào, tâm tình, cách xưng hô mình- ta quen thuộc trong ca dao khiến bài thơ như một bản tình ca về lòng thủy chung son sắt của người cách mạng với người dân Việt Bắc.

4. Chủ đề

Việt Bắc là một câu chuyện lớn, một vấn đề tư tưởng được diễn đạt bằng một cảm nhận mang tính chất riêng tư. Bài thơ gợi về những ân nghĩa, nhắc nhở sự thủy chung của con người đối với con người và đối với quá khứ cách mạng nói chung

Phần hai: Những đề thi liên quan đến bài Việt Bắc

Có các dạng đề sau:

Dạng 1. Cảm nhận về đoạn thơ: Bài này quá dài, chúng ta lưu ý mấy đoạn trọng tâm sau:

- 8 câu đầu bài thơ Việt Bắc
- Đoạn: Nhớ gì như nhớ người yêu...
- Chày đêm nện cối đều đều suối xa
- Đoạn Bức tranh tứ bình : Ta về mình có nhớ ta.... Thủy chung
- Đoạn Việt Bắc trong kháng chiến : Những đường Việt Bắc của ta...Đèo De núi Hồng

Dạng 2. Nghị luận ý kiến bàn về bài thơ Việt Bắc, chứng minh nhận định về bài Việt Bắc

Dạng 3. Đề so sánh văn học : so sánh đoạn thơ trong bài Việt Bắc với đoạn thơ trong bài Tây Tiến, đây thôn Vĩ Dạ, Sóng,....

Dạng 4 : Cảm nhận về 1 phương diện trong nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm. (Ví dụ : tính dân tộc trong bài thơ Việt Bắc)

Một số đề tham khảo

Đề bài 1: Cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

*Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu.*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

*Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương.*

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Trong cuộc đời mỗi con người, ai cũng có ít nhất một niềm thương, nỗi nhớ. Niềm thương, nỗi nhớ ấy luôn thường trực trong ta tạo nên những rung động mãnh liệt trong cảm xúc. Với các thi nhân, cảm xúc lại là yếu tố vô cùng quan trọng. Nó giúp cho các nhà thơ làm nên những thi phẩm say đắm lòng người. Tiếng nói từ trái tim sẽ đến được với trái tim. Đoạn thơ:

*“Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu.”*

trích trong bài thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu và đoạn thơ:

*“Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ*

Hương về anh một phương.”

trích trong bài thơ “Sóng của Xuân Quỳnh là những vần thơ dạt dào cảm xúc như thế.

Nhà thơ Tố Hữu và nhà thơ Xuân Quỳnh là hai nhà thơ lớn của văn học VIỆT Nam hiện đại được nhiều bạn yêu thơ mến mộ. Nếu nhà thơ Tố Hữu là cánh chim đầu đàn, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam thì Xuân Quỳnh được mệnh danh là nữ hoàng của thơ tình.

Mỗi tác giả đã tạo ra thơ của mình với mỗi vẻ đẹp riêng. Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình, chính trị; mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Thơ Tố Hữu mang giọng điệu ngọt ngào, tâm tình tha thiết, giọng của tình thương mến; đậm đà tính dân tộc. Thơ Xuân Quỳnh lại in đậm vẻ đẹp nữ tính, là tiếng nói của một tâm hồn giàu trắc ẩn, hồn hậu, chân thực và luôn luôn da diết, luôn khát vọng về một hạnh phúc đời thường.

Bài thơ “Việt Bắc” viết về cách mạng, còn bài thơ “Sóng” hướng tới đề tài tình yêu lứa đôi .

Tháng 10/1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại Thủ đô. Nhân sự kiện thời sự có tình lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ “Việt Bắc” in trong tập thơ “Việt Bắc”. Đoạn thơ trích trong bài Việt Bắc là lời người ra đi đáp lại người ở lại. Bốn câu thơ giống như một lời thề nguyện, lời khẳng định gắn bó thủy chung trước sau như một mà những cán bộ cách mạng miền xuôi muốn gửi tới đồng bào Việt Bắc. Lời thơ óng ả, dịu dàng, tình tứ và lối xưng hô thân mật, ngọt ngào của ca dao, dân ca “mình-ta” được sử dụng một cách linh hoạt. Nỗi nhớ của người cách mạng về quê hương Việt Bắc giống như nỗi nhớ của những đôi lứa yêu nhau. Sự sắp xếp từ liền đôi, quân quýt không muốn rời xa của “ta” và “mình”, vừa khéo léo khẳng định tấm lòng của “ta” cũng như “mình”. Tình cảm của người về với Việt Bắc là thứ tình cảm thắm thiết, mặn mà, gắn chặt trong tim, ghim chặt trong lòng.

Tình cảm ấy còn được khẳng định bằng một hình ảnh thơ so sánh “Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu”. Trong tiềm thức của người Việt Nam nước trong nguồn là dòng nước không bao giờ vơi cạn, chảy bất tận. ý thơ trở nên sâu sắc hơn khi tác giả sử dụng cặp từ so sánh tăng tiến “bao nhiêu,...bấy nhiêu”. Đó là sự so sánh giữa một cái vô tận với một cái bất tận.

Bài thơ “Sóng” được sáng tác năm 1967 nhân chuyến đi thực tế ở Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập thơ “Hoa dọc chiến hào” (1968). Bài thơ được viết khi Xuân Quỳnh còn trẻ khoảng 25 tuổi nhưng đã trải qua không ít những thăng trầm, đổ vỡ trong tình yêu.

Ở khổ thơ trên “Sóng” được khám phá theo chiều rộng của không gian ở hai miền “xuôi”, “ngược”. Sóng dù xuôi về phương Bắc, dù ngược về phương Nam thì cuối cùng vẫn hướng về bờ:

*“Dẫu xuôi về phương bắc
 Dẫu ngược về phương nam
 Nơi nào em cũng nghĩ
 Hướng về anh một phương.”*

Thông thường người ta hay nói xuôi Nam, ngược Bắc nhưng ở đây Xuân Quỳnh lại nói xuôi Bắc, ngược Nam, dường như cái lô-gic của lí trí thông thường đã bị lu mờ, chỉ còn lại hai miền xuôi ngược để trần trở tìm nhau, để khao khát bên nhau. Cách nói ấy cũng khiến người đọc hình dung về những gian nan, cách trở mà trái tim yêu phải vượt qua.

Con “sóng” kia muôn đời thao thức để khắc khoải xuôi ngược tìm bờ thì em cũng chỉ duy nhất hướng về “phương anh”. Đây là một sáng tạo độc đáo của Xuân Quỳnh khi đưa khái niệm không gian để nói về mức độ thủy chung, bốn phương Đông – Tây – Nam – Bắc là của vũ trụ này, chỉ có duy nhất nơi anh là phương trời của em. Giữa cuộc đời rộng lớn, thơ anh vẫn mới là bến bờ hạnh phúc, là nơi duy nhất em tìm về. í thơ bộc bạch rất thật, sáng lên vẻ đẹp của tình yêu chung thủy.

Hóa ra ở trung tâm nỗi nhớ là anh nên đâu có đi về phương nào thì em cũng hướng về phương anh. Câu thơ giống như một lời nguyện thề thủy chung, da diết, đắm thắm.

Nếu ở khổ 5 nhân vật trữ tình bộc bạch ” lòng em nhớ đến anh” thì ở đây cảm xúc đã dâng lên một bậc “Nơi nào em cũng nghĩ”. “Nghĩ” có cả yêu thương, mong nhớ, có cả phấp phỏng lo âu, hờn ghen, giận dỗi. Anh trở thành ý nghĩ thường xuyên, thường trực trong lòng, canh cánh trong lòng. “Nhớ” là tình cảm, cảm xúc tự nhiên, hồn nhiên thì “nghĩ” là sự suy tư, chín chắn, sâu sắc. Người con gái khẳng định sự duy nhất, tuyệt đối gắn bó thủy chung trong tình yêu.

Khổ thơ cho ta thấy tình yêu của người phụ nữ, sự thủy chung son sắt duy nhất. Nhân vật trữ tình đã trực tiếp thể hiện cảm xúc của mình. Khẳng định tình yêu thủy chung cũng là khao khát, là khát vọng người yêu thương phải xứng đáng với mình. Cả hai đoạn thơ đều là những rung động, những xúc cảm nhớ thương của một tình yêu con người, đất nước trong lòng người bởi một tình cảm đẹp, sự thủy chung son sắt không đổi thay. Trên phương diện nghệ thuật, cả hai đoạn thơ đều là những ngôn từ giản dị nhưng lại giàu giá trị nghệ thuật. Giọng thơ trữ tình tha thiết nhưng cũng khẳng định mạnh mẽ, chắc chắn, đĩnh ninh như một lời thề.

Tình cảm trong đoạn thơ Việt Bắc là tình cảm lớn lao, tình cảm cách mạng, tình cảm chính trị. Nỗi nhớ ấy gắn liền với cuộc chia ly của người cán bộ cách mạng rời căn cứ địa kháng chiến để trở về thủ đô. Chủ thể của nỗi nhớ là những con người kháng chiến nhớ những kỉ niệm với quê hương Việt Bắc, đồng bào Việt bắc ân tình đùm bọc, cứu mang trong suốt những tháng ngày gian khổ của cuộc kháng chiến. Còn tình cảm trong “Sóng” là tình yêu đôi lứa, cảm xúc của chủ thể trữ tình “em”, một phụ nữ đang yêu vừa gián tiếp, vừa trực tiếp. “Sóng” là hóa thân mà cũng là phân thân của chủ thể trữ tình. “sóng” là ẩn dụ để diễn tả nỗi nhớ. Sắc thái của nỗi nhớ trong đoạn thơ chỉ duy nhất hướng về một nơi ở phương anh một cách chung thủy, sắt son.

Đoạn thơ “Việt Bắc” sử dụng thể thơ lục bát của dân tộc. Giọng điệu ngọt ngào như một khúc trữ tình sâu lắng, da diết. Sóng – đoạn thơ sử dụng thể thơ năm chữ và ẩn dụ nghệ thuật sóng. Thể thơ và nhịp điệu thơ đã gợi hình hài và nhịp điệu bất tận vào ra của những con sóng nổi nhớ tình yêu. Nhờ nghệ thuật ẩn dụ, nỗi lòng của người phụ nữ khi yêu được thể hiện chân thành, nữ tính, duyên dáng mà không kém phần mãnh liệt, sâu sắc.

Vẻ đẹp trong thơ Tố Hữu luôn gắn với ca dao đậm đà, Còn Xuân Quỳnh thì mãnh liệt, nồng nàn.

Từ hai nỗi nhớ được thể hiện trong đoạn thơ, người đọc khụng chỉ cảm nhận được nét đặc sắc của hai giọng điệu thơ mà cũn thấy được vẻ đẹp tĩm hồn con người Việt Nam yêu thương đằm thắm, dịu dàng mà mãnh liệt, tĩnh nghĩa thủy chung, son sắt.

Đề bài 2:

Anh (chị) hãy phát biểu cảm nhận của mình về hai đoạn thơ sau:

*“Nhớ gì như nhớ người yêu
 Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
 Nhớ từng bản khói cùng sương
 Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
 Nhớ từng rừng nứa bờ tre
 Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

và

*“Con sóng dưới lòng sâu
 Con sóng trên mặt nước
 Ôi con sóng nhớ bờ
 Ngày đêm không ngủ được
 Lòng em nhớ đến anh*

Cả trong mơ còn thức.”

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Định hướng cách làm:

I. MỞ BÀI

Giới thiệu về hai tác giả và hai bài thơ, hai đoạn thơ:

II. THÂN BÀI

2. Cảm nhận hai đoạn thơ

2.1. Đoạn thơ trong bài thơ Sóng

– Nỗi nhớ tràn ngập khắp không gian: dưới lòng sâu, trên mặt nước

– Nỗi nhớ tràn ngập khắp thời gian: ngày đêm không ngủ được

– Nỗi nhớ tràn cả vào ý thức, vô thức, tiềm thức “cả trong mơ còn thức”

* Nghệ thuật: thể thơ năm chữ giàu nhịp điệu; phép ẩn dụ, nhân hóa, điệp cấu trúc, tương phản..

2.2. Đoạn thơ trong Việt Bắc

– Nỗi nhớ tràn ngập không gian thời gian, thấm vào cảnh vật thiên nhiên:

+ Thiên nhiên bình dị tươi đẹp: nắng chiều, trăng lên đầu núi, bản khói cùng sương, ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê...

+ Con người Việt Bắc cần cù chăm chỉ, chịu thương chịu khó: sớm khuya bếp lửa người thương đi về

* Nghệ thuật:

– Thể thơ lục bát âm điệu ngọt ngào sâu lắng; sử dụng phép điệp từ, ngôn ngữ bình dị

3. So sánh:

– Giống nhau: Cả hai đoạn thơ đều tập trung thể hiện nỗi nhớ của một tình yêu tha thiết sâu đậm đối với con người, cuộc sống, quê hương, đất nước của hai thi sĩ.

Nội dung cảm xúc: Cả hai đoạn thơ đều viết về nỗi nhớ, một trạng thái cảm xúc nảy sinh trong cuộc chia ly với những con người đã từng gắn bó sâu nặng, thấm thiết, những mảnh đất để lại dấu chân đi qua.

– Nghệ thuật thể hiện: Hai đoạn thơ, các tác giả đều tập trung khắc họa những cung bậc trạng thái phong phú, đa chiều của nỗi nhớ. Nỗi nhớ menh mang được đặt trong quan hệ với không gian thiên nhiên vô tận. Nỗi nhớ triền miên da diết được đặt trong thời gian của đêm – ngày, sớm – chiều. Nỗi nhớ còn được so sánh, thể hiện trong những điều sâu thẳm, mãnh liệt nhất (nhớ người yêu, cả trong mơ còn thức). (Hai đoạn thơ đều sử dụng các biện pháp nghệ thuật như so sánh, ẩn dụ, điệp từ để khéo léo diễn tả nỗi nhớ sâu đậm, giọng điệu da diết, khắc khoải của con người khi phải chia ly.

– Điểm khác biệt:

Việt Bắc (Tố Hữu) – Nội dung cảm xúc: nỗi nhớ trong thơ Tố Hữu thuộc về tình cảm lớn lao, tình cảm chính trị, tình cảm cách mạng. Nỗi nhớ ấy gắn liền với cuộc chia ly của người cán bộ cách mạng rời căn cứ địa kháng chiến để trở về thủ đô. Chủ thể của nỗi nhớ là những con người kháng chiến nhớ những kỉ niệm với quê hương Việt Bắc, đồng bào Việt bắc ân tình đùm bọc, cứu mang họ trong suốt những tháng ngày gian khổ của cuộc kháng chiến.

Đoạn thơ sử dụng thể thơ lục bát của dân tộc. Giọng điệu ngọt ngào như một khúc trữ tình sâu lắng, da diết. Các điệp từ: nhớ gì, nhớ từng, nhớ những cùng với nghệ thuật so sánh (như nhớ người yêu), ẩn dụ (ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê) và tiểu đối đã góp phần thể hiện thành công những cung bậc cảm xúc phong phú của nỗi nhớ quê hương cách mạng.

Sóng (Xuân Quỳnh) – Cảm xúc của chủ thể trữ tình được thể hiện vừa gián tiếp, vừa trực tiếp. “Sóng” là hóa thân mà cũng là phân thân của chủ thể trữ tình. “Sóng” là ẩn dụ để diễn tả nỗi nhớ. Sắc thái của nỗi nhớ trong đoạn thơ (có nỗi nhớ còn

cao, cháy bỏng, có nỗi nhớ triền miên, da diết, có nỗi thao thức, bồi hồi trăn trở, nỗi nhớ còn lặn cả vào trong tiềm thức, trong giấc mơ).

Sóng – Đoạn thơ sử dụng thể thơ năm chữ và ẩn dụ nghệ thuật sóng. Thể thơ và nhịp điệu thơ đã gợi hình hài và nhịp điệu bất tận vào ra của những con sóng nỗi nhớ tình yêu. Nhờ nghệ thuật ẩn dụ, nỗi lòng của người phụ nữ khi yêu được thể hiện chân thành, nữ tính, duyên dáng mà không kém phần mãnh liệt sâu sắc. Đoạn thơ có hình ảnh sáng tạo diễn tả nỗi nhớ trong mơ (Lòng em nhớ đến anh – Cả trong mơ còn thức).

Kết luận chung:

– Từ hai nỗi nhớ được thể hiện trong đoạn thơ, người đọc không chỉ cảm nhận được nét đặc sắc của hai giọng điệu thơ mà còn thấy được vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam yêu thương đậm thắm, dịu dàng mà mãnh liệt, tình nghĩa thủy chung.

III. KẾT BÀI

Đánh giá chung

Đây là đề thi của Thầy PHAN DANH HIẾU

Ví dụ 3 :

Đề bài: “ Bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến”.

Hãy bình luận ý kiến trên

Gợi ý:

Mở bài :

Đề tài kháng chiến là một đề tài quen thuộc trong thơ ca cách mạng VN trong đó bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu là thi phẩm tiêu biểu. Bài thơ được sáng tác vào tháng 10-1954 sau thắng lợi chiến dịch ĐBP lưng lẫy năm châu, chân động địa cầu, kết thúc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Vì thế bài thơ vừa có ý nghĩa lịch sử lại

vừa có ý nghĩa văn học sâu sắc. Có ý kiến cho rằng: “ Bài thơ VB của TH là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến”

Thân bài :

1. Vài nét về tác giả tác phẩm:

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, hoà bình được lập lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh, trung ương Đảng, cán bộ, bộ đội rời Việt Bắc trở về Thủ đô Hà Nội. Trong không khí chia tay đầy nhớ thương lưu luyến giữa nhân dân Việt Bắc và những người cán bộ cách mạng, nhà thơ Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Việt Bắc”. Với tầm nhìn của một nhà thơ cách mạng, một nhà tư tưởng, Tố Hữu đã phản ánh sâu sắc hiện thực kháng chiến mười lăm năm của Việt Bắc và dự báo những diễn biến tư tưởng trong hoà bình.

Đoạn trích bài thơ “Việt Bắc” miêu tả cuộc chia li đầy thương nhớ lưu luyến giữa Việt Bắc và những người cán bộ kháng chiến và gọi lại những kỉ niệm kháng chiến anh hùng mà đầy tình nghĩa.

2. Giải thích nhận định

Ý kiến nhận định về bài thơ hoàn toàn xác đáng, đã chạm đến thần thái của tư tưởng thơ TH. Bài thơ là một “khúc tình ca” đã khắc họa hết thảy mọi cung bậc tình cảm của tác giả hay nói đúng hơn là giữa kẻ ở – người đi, giữa nhân dân đồng bào VB với cán bộ cách mạng qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống gắn bó, mặn nồng nơi quê hương kháng chiến. Đồng thời, bài thơ cũng là “khúc hùng ca” ca khúc khải hoàn về cuộc chiến thắng vĩ đại của quân và dân ta trong những ngày đêm ra trận tuy vất vả mà cũng rất đổi hào hùng. Có thể nói, cả bài thơ VB là sự hòa quyện giữa khúc tình ca và khúc hùng ca, giữa chất trữ tình và chất hiện thực, giữa tính sử thi và cảm hứng lãng mạn bay bổng. Chính sự hài hòa các yếu tố ấy đã tạo nên tuyệt tác của thi phẩm này.

3. Chứng minh nhận định:

a. Trước hết, VB là khúc tình ca, ca ngợi cuộc kháng chiến vĩ đại và con người kháng chiến.

+ Điều này được nhà thơ diễn tả bằng việc khắc họa miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên VB và con người kháng chiến đậm đà tình quân dân “cá – nước”.

+Bức tranh thiên nhiên VB đã gợi tứ cho cảm hứng thơ TH bay xa, dội lại trong mảng ký ức tươi đẹp hiện về trong nỗi hoài niệm, ưu tư về một khung cảnh đẹp đến toàn diện toàn mỹ trong đêm trăng thanh. Đó là hình ảnh “ Trăng lên đầu núi, nắng chiều lung nương”, là hình ảnh của ánh sương ban mai vào buổi sáng sớm mờ ảo quán quýt bao phủ khắp bản làng. Để rồi mỗi sự vật địa danh được nhắc đến như một nét thân thương dội lại của thiên nhiên núi rừng miền Tây thơ mộng, trữ tình: “ Ngòi thia, sông Đáy, suối Lê với đày”.

+Đặc biệt hơn, chất trữ tình lãng mạn cũng là khúc tình ca còn được viết lên trong một bản đàn thi ca mà mỗi nốt nhạc của mỗi mùa (đông – xuân- hạ – thu) ở bức tranh tứ bình đều như đang vang lên bài ca đất nước:

“ Ta về mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Mùa xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình

Rừng thu trăng rọi hòa bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”

Bộ bức tranh tứ bình như được trạm, được khắc bằng bút pháp nghệ thuật chấm phá tả ít gợi nhiều. Hòa quyện trong bức tranh tứ bình ấy là sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người đang giao hòa với nhau tạo nên một bức tranh hoàn chỉnh. Vì

thể có thể nói mỗi mùa đều là một bức tranh riêng độc đáo tạo nên cái đặc trưng riêng của núi rừng VB. Ta như chiêm nghiệm thấy một cái tôi TH đang ngả nghiêng, đang ngây ngất thả hồn đắm chìm trong nỗi nhớ hoài niệm của một bức tranh VB. Chính vì thế mà sự xáo trộn không tuân theo quy luật khách quan của vũ trụ (xuân – hạ – thu – đông) đã phải nhường chỗ cho tâm trạng cảm xúc của thi nhân đang rung lên đồng điệu với bức tranh thiên nhiên đẹp.

+ Bên cạnh đó, hình dáng của con người trong bài thơ cũng được TH khắc họa hiện lên thật duyên dáng, yêu thương. TH không đi vào khắc họa vóc dáng bên ngoài của con người, của đồng bào nhân dân VB mà ông chỉ chú trọng vào diễn tả tâm tư tình cảm mà đồng bào nhân dân VB dành cho cách mạng, dành cho những người cán bộ, chiến sĩ kháng chiến. Đó là hình ảnh của sự đùm bọc yêu thương tuy thiếu thốn vật chất (Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son) mà cũng đậm thật lãng mạn, cũng thật cảm động chan chứa niềm yêu thương :

“ Ta đi ta nhớ những ngày
 Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi
 Thương nhau chia củ sắn lùi
 Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng”

+ Trong cuộc kháng chiến ấy, tuy vất vả, trên chiến trường người chiến sĩ mạnh mẽ hiên ngang, cầm chắc tay súng tiêu diệt kẻ thù nhưng khi trở về, họ lại được chăm sóc, chia ngọt sẻ bùi với nhân dân địa phương và trong hoàn cảnh ấy, TH cũng không quên nhắc đến bóng dáng của những tình yêu đôi lứa, tình yêu giữa những cô gái bản làng với anh vệ trọc, với chiến sĩ cụ Hồ:

“Sớm khuya bếp lửa người thương đi về”

Hai chữ “ người thương” gói ghém biết bao tình yêu thương đong đầy, tình yêu ấy vừa là tình quân dân, vừa là tình yêu đôi lứa.

+ Chất trữ tình, khúc tình ca còn được thể hiện trong một bức tranh sinh hoạt đậm đà nơi kháng chiến gắn với những con người sẵn sàng cùng kề vai sát cánh với chiến sĩ bộ đội trong cuộc kháng chiến một mất một còn với quân giặc:

“Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
 Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
 Nhớ ao lớp học i tờ
 Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
 Nhớ sao ngày tháng cơ quan
 Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo
 Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
 Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”

Đó là những hình ảnh của bà mẹ vất vả vừa lo toan cho gia đình, vừa tăng gia sản xuất phục vụ cách mạng, đó là những âm thanh “i tờ” vỡ nòng ngượng ngịu, đó là những tiếng chày nện cối giã gạo nuôi cách mạng và đó cũng là tiếng hát réo rắt “ca vang núi đèo” “đều đều suối xa” réo rắt ngân vang. Tất cả như hiện lên vừa là hiện thực lại vừa lãng mạn đan xen góp phần diễn tả cuộc sống nơi chiến đấu trong những năm tháng kháng chiến nơi VB tuy vất vả gian nan nhưng cũng rất tự hào tình nghĩa.

Như vậy, nhờ yếu tố lãng mạn bay bổng, TH đã tạo nên một bài thơ độc đáo mà mỗi sự vật thiên nhiên và con người được nhắc đến giống như một nốt nhạc trong khúc tình ca kháng chiến. Tất cả như tạo ra chất men say trong tâm hồn thơ Tố Hữu.

b. Việt Bắc là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến

Bên cạnh yếu tố trữ tình lãng mạn, bài thơ VB còn quyện hòa trong chất sử thi hùng tráng. Đó là khúc hùng ca kháng chiến mạnh mẽ tạo nên những trang thơ đậm đà tính dân tộc. Phản ánh hết thảy khi thế anh hùng của quân và dân ta trong những ngày cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Mỗi câu thơ vang lên như

biểu tượng cho tinh thần “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh” được tạo nên bởi những người anh hùng dũng cảm.

“Những đường VB của ta
 Đêm đêm rầm rập như là đất rung
 Quân đi điệp điệp trùng trùng
 Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
 Dân công công đỏ đuốc từng đoàn
 Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”

Ấy là khí thế của những con đường ra trận, những ngả đường kháng chiến đã được TH như trạm, như khắc hiện hình nổi sắc trước mắt người đọc vậy. Dưới ánh trăng đêm, hình ảnh đoàn quân ra trận thật hào hùng, thật mạnh mẽ trải dài ra vô tận “điệp điệp trùng trùng” với một khí thế mang biểu tượng của tinh thần tự do, cho khát vọng độc lập. Vì thế hình ảnh “Bước chân nát đá” như tự nó đã mang sức nặng của tinh thần yêu nước. Như HCM đã nói: “tinh thần yêu nước sẽ nhận chìm cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Không có một thế lực nào có thể ngăn cản được bước đi của quân dân ta. Để khắc họa được cái khí thế ấy, TH đã dùng hàng loạt các động từ, từ láy giàu sức tạo hình và biểu cảm: “rầm rập”, “nát đá”, “điệp điệp trùng trùng” khiến cho hình ảnh ra trận hiện lên không hề bi thương mà ngược lại rất đỗi hào hùng, mạnh mẽ. Dưới mỗi bước chân quân ta đi đều mang trong mình lý tưởng của Đảng, của Bác Hồ sáng soi, vì thế mới có hai chữ “ánh sao đầu súng” như là biểu tượng cho cuộc đấu tranh chính nghĩa, cho lẽ phải của công lý trước vó ngựa xâm lăng của kẻ xâm lược.

Để phản ánh được cuộc chiến đấu mang biểu tượng của tinh thần tự do và khát vọng độc lập ấy, TH còn khắc họa như diễn tả những chiến lược, chiến thuật mà quân dân ta đã từng sử dụng:

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng
 Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây

Núi giăng thành lũy sắt dày
 Rừng che bộ đội rừng vây quân thù
 Mênh mông bốn mặt sương mù
 Đất trời ta cả chiến khu một lòng”

Khí thế hào hùng được nhà thơ diễn tả bằng nhịp điệu thơ dồn dập, nhanh, gọn, lẹ. Bộ đội ta biết dựa cả vào những địa hình tự nhiên “núi đá” để “ta cùng đánh Tây”, biến địa hình trập trùng giống như một mê cung, một bức tường thành vững chắc “thành lũy sắt dày” mà bủa vây quân thù. Để làm được điều ấy là do quân dân ta đoàn kết một lòng cùng hướng về non sông gấm vóc, cùng chung một lý tưởng chiến đấu vì nước quên thân. Cả đất nước như đang đứng lên mà dẹp tan mọi âm mưu xâm lược. Hình ảnh đất nước ấy đã được Nguyễn Đình Thi diễn tả qua ý thơ:

“Súng nổ rung trời giận dữ
 Người lên như nước vỡ bờ
 Nước VN từ máu lửa
 Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”

Để cuối cùng niềm vui chiến thắng đã đến, lan tỏa khắp nẻo đường đất Việt từ địa đầu cách mạng đến cuối dải hình đất nước rồi lại trở về Việt Bắc :

“Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
 Đèn pha bật sáng như ngày mai lên
 Tin vui chiến thắng trăm miền
 Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
 Vui từ Đồng Tháp, An Khê
 Vui lên VB, đèo De, núi Hồng”

Có thể nói đây là một “bản đồ vui” khi mà mỗi câu thơ đều xuất hiện từ “vui” liên tiếp. Mỗi câu thơ hiện lên như một nốt nhạc ngân vang réo rắt trong một khúc hùng ca cách mạng. Niềm vui ấy gắn liền với địa danh: Hòa Bình, Tây Bắc đến

Đồng Tháp, AN Khê rồi lại quay trở về VB, đèo De, núi Hồng... Đoạn thơ mang đậm chất sử thi và cảm hứng lãng mạn.

Kết thúc bài thơ là cái nhìn của TH về hình ảnh ĐN ngày mai tươi sáng. Khẳng định niềm tin vững chắc của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ và đồng thời nó giống như một lời thề nguyện thiêng liêng hướng tới đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của cội nguồn dân tộc:

“ Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng lên Cộng hòa

Mình về mình lại nhớ ta

Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào”

Kết bài :

Bài thơ VB là một tác phẩm tuyệt tác viết về tình yêu đất nước, Sự thể hiện độc đáo trong nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát dân tộc, kết cấu đối đáp trong ca dao giao duyên cùng một ngôn ngữ đậm sắc thái dân gian... tất cả đã góp phần đắc lực trong việc diễn tả tư tưởng tình cảm sâu đậm giữa kẻ ở – người đi, giữa cán bộ cách mạng về xuôi với đồng bào nhân dân VB, giữa núi rừng cội nguồn cách mạng với những người chiến sĩ cộng sản... VB vì thế vừa là khúc hùng ca có ý nghĩa biểu tượng ca ngợi tinh thần yêu nước quân dân đoàn kết một lòng lại vừa là khúc tình ca về cách mạng, về con người kháng chiến trong sự yêu thương, gắn bó chia sẻ ngọt bùi bên nhau. Tác phẩm xứng đáng trở thành bài ca bất hủ trong văn học dân tộc viết về đất nước.

Đề 4 :

Phân tích bức tranh tứ bình- Việt Bắc

Ta về, mình có nhớ ta ?

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng,
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
 Ve kêu rừng phách đổ vàng,
 Nhớ cô em gái hái măng một mình.
 Rừng thu trăng rọi hòa bình,
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Bài làm : “Việt Bắc” là một trong những tập thơ hay nhất của Tố Hữu. Tập thơ này chủ yếu viết về thời kỳ kháng chiến chống Pháp, trong đó “Việt Bắc” được xem là đỉnh cao của thơ Tố Hữu. Bài thơ là một bức tranh trữ tình mà hoành tráng, bao quát cả một diện lớn về thời gian suốt 15 năm “Nhớ khi kháng Nhật thủa còn Việt Minh”, trên một không gian là toàn bộ Việt Bắc, kéo tràn sang Tây Bắc. Bút của Tố Hữu ở bài thơ này tỏ ra rất dồi dào. “Việt Bắc” là một bài thơ dài, không phải đoạn nào viết cũng đều tay. Nhưng có những đoạn quả thật là đặc sắc mà ở đó người đọc thấy được vẻ đẹp của ngòi bút Tố Hữu:

Ta về, mình có nhớ ta ?
 Ta về ta nhớ những hoa cùng người.
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng,
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
 Ve kêu rừng phách đổ vàng,
 Nhớ cô em gái hái măng một mình.
 Rừng thu trăng rọi hòa bình,
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Tố Hữu được xem là ngọn cờ đầu của thơ ca cách mạng. Nói đến Tố Hữu là nói đến một tiếng thơ trữ tình – chính trị. Suốt cả đời mình, Tố Hữu đã viết về lý tưởng lớn, lẽ sống lớn, niềm vui lớn, tình cảm lớn của người cách mạng. Người ta vẫn nói

ở Tố Hữu có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố cổ điển, dân gian và yếu tố cách mạng hiện đại. Có lẽ vì thế mà thơ Tố Hữu có khả năng thấm sâu vào tâm hồn quần chúng nhân dân. Cho đến nay, Tố Hữu đã cho xuất bản 6 tập thơ: “Từ ấy”, “Việt Bắc”, “Gió lộng”, “Ra trận”, “Máu và hoa”, và gần đây nhất là “Một tiếng đờn”. Những tập thơ ấy đều gắn liền, tương ứng với những chặng đường lớn của cách mạng Việt Nam. Có lẽ vì thế mà có người đã gọi thơ Tố Hữu là cuốn “biên niên sử bằng thơ của cách mạng Việt Nam”. Nghĩa là là cho đến nay, Tố Hữu đã hoàn chỉnh một phong cách thơ của mình, một cuộc đời thơ của mình.

Đoạn thơ trên là một trong những đoạn tiêu biểu của bài VB. Tất cả chỉ có 10 câu, tập trung nói đến một chủ đề nhưng nó đã đạt đến sự toàn bích. Đoạn thơ này cứ thể chia làm hai phần: phần đầu gồm hai câu. Nó như lời mở đầu đưa đẩy trong các cuộc hát giao duyên. Trong đó người con trai (người về xuôi) vừa ướm hỏi lòng người ở lại, vừa khẳng định những tình cảm trong lòng mình. Phần sau gồm 8 câu chia thành 4 cặp lục bát. ở mỗi cặp, cứ câu lục tả hoa thì câu bát tả người. Nó là một bức tranh tứ bình điển tả hoa và người Việt Bắc trong bốn mùa bằng những nét đặc trưng nhất của miền đất này. Có thể nói, cảnh sắc thiên nhiên Việt Bắc tuy được mô tả rải rác trong cả bài thơ nhưng dường như nó được kết tinh vào đoạn này một cách hàm súc, cô đúc nhất.

Chúng ta biết bài thơ được viết theo hình thức hát đối đáp của dân gian. Hai câu thơ đầu, về chức năng đối đáp, là hai câu đưa đẩy để nối liền các mảng đề tài trong một cuộc hát. Đó là người con trai ướm hỏi người con gái:

Ta về mình có nhớ ta

Lời hỏi vẫn có cái giọng tình tứ, với cách xưng hô ta mình – mình ta. Nhưng quan trọng hơn vẫn là ở sự cao nhã trong tình cảm. Ta về chẳng biết mình có nhớ ta không, nhưng ngay cả khi mình không nhớ ta thì ta vẫn cứ nhớ mình. Mà nỗi nhớ mới duyên dáng và tế nhị làm sao:

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Như vậy là người ra đi khẳng định tình cảm của mình bằng nỗi nhớ mà là nhớ về những gì đẹp nhất của Việt Bắc. Đó là hoa và người. Trong nỗi nhớ của người đi hai hình ảnh này là đồng hiện, soi chiếu vào nhau. Hoa là thứ đẹp nhất của thiên nhiên, còn người ta lại là “hoa của đất”. ‘Vi vậy, hễ nhớ đến người thì hiện bóng hoa, hễ nhớ về hoa thì hiển hiện hình người. Hoa và người không thể tách rời. Mà nói với một người con gái, lại nói “hoa cùng người” thì đó chẳng phải là một lời đánh giá kín đáo hay sao?

Và như thế, chủ đề của đoạn thơ đã được giới thiệu. Đó là hoa cùng người Việt Bắc.

Tranh tứ bình là một trong những loại hình rất phổ biến trong nghệ thuật trung đại. Nó thường là một bộ tranh gồm bốn bức mô tả bốn mặt của một đối tượng nào đấy. Vì vậy, tự nó đã có tính hoàn chỉnh riêng. Thậm chí tự nó là một cách khái quát riêng, một thế giới riêng. Ta đã từng gặp những bộ tứ bình như: tùng – trúc – cúc – mai, xuân – hạ – thu – đông (tứ quý), ngư – tiều – canh – mục, long – li – quy – phượng, cầm – kỳ – thi – họa... Trong thơ ca chúng ta cũng từng gặp rất nhiều, đó là cảnh “Trông bốn bề” trong “Chinh phụ ngâm”, đoạn “buồn trông” khi Kiều ở lầu Ngưng Bích, đoạn thơ mô tả bốn cảnh thuộc thời oanh liệt của con hổ trong “Nhớ rừng” của Thế Lữ... Những bức tranh tứ bình này giúp cho nhà thơ mô tả được một cách toàn diện và thấu tóm những gì là đặc trưng nhất. Tố Hữu đã sử dụng lối vẽ tranh tứ bình khá nhuần nhuyễn trong nhiều bài, đoạn thơ này có thể xem là bộ tranh tứ bình tứ quý về “hoa và người” của 4 mùa Việt Bắc.

Mở đầu là một hình ảnh có tính khái quát, trong đó Việt Bắc hiện lên như một miền quê thật lặng lẽ:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Gam màu cơ bản của bức tranh này là màu xanh. Đó là một màu xanh mênh mông và trầm tĩnh của rừng già. Nó gợi ra hình ảnh một xứ sở êm đềm, lặng lẽ, tĩnh. Nhưng trên cái nền xanh ấy, chúng ta nhìn thấy hình ảnh hoa chuối rừng bập bùng cháy như những bó đuốc. Ai đã biết hoa chuối nở, sẽ thấy rằng tuy tác giả chỉ viết hai chữ ” đỏ tươi” nhưng cũng đủ gợi cho chúng ta biết hoa chuối đã làm sáng lên cả một góc rừng. Thế là hoa chuối làm cho cảnh rừng trở nên sống động hơn. Đồng thời hình ảnh hoa chuối lại được tô điểm thêm những tia nắng ở câu thứ hai càng làm cho không khí vốn trầm mặc ở nơi này trở nên tươi sáng và linh động. Trên nền cảnh ấy, hình ảnh con người xuất hiện: “Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”. Người đứng trên đỉnh đèo cao, ánh nắng chiếu vào lưỡi dao trên thắt lưng, loé sáng. Nó gợi được một tư thế vững chãi, tự tin của người làm chủ núi rừng. Tố Hữu thường mô tả con người trong tư thế ấy. Trong bài “Lên Tây Bắc” tác giả có viết:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều

Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo

Núi không đè nổi vai vươn tới

Lá ngụy trang reo với gió đèo.

Cũng là một hình ảnh ấy nhưng ở đoạn thơ trên, Tố Hữu phải viết bằng 4 câu thơ 28 chữ. Còn ở bài Việt Bắc này dường như nhà thơ đã cô đúc vào 8 chữ. Nhà thơ không vẽ kỹ mà chỉ chấm phá vài nét song cũng đủ cho ta hình dung khá rõ về hình tượng. Vậy là, tương ứng với một cảnh hoa là một dáng điệu người, mỗi dáng điệu toát lên một phẩm chất của người Việt Bắc.

Bức tranh thứ hai:

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Đến đây nên xanh trầm tĩnh đã nhường chỗ cho nền trắng tinh khiết của hoa mơ rừng. Hai chữ “trắng rừng” khiến cảnh rừng như bừng sáng. Phải nói rằng đây là

một hình ảnh có sức ám ảnh lớn đối với hồn thơ Tố Hữu. Việt Bắc trong nỗi nhớ của Tố Hữu dường như không thể thiếu được sắc hoa này. Về sau, trong bài “Theo chân Bác”, Tố Hữu sẽ viết:

Ôi sáng xuân nay, xuân 41

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về. Im lặng. Con chim hót

Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ.

Trên nền cảnh ấy hiện ra hình ảnh người Việt Bắc trong một công việc thầm lặng: “Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”. Hai chữ “chuốt từng” gợi ra được dáng điệu cần mẫn, cẩn trọng và tài hoa. Không biết người đan nón kia gửi vào từng sợi giang nỗi niềm gì, ước mơ gì?

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Trong những bức tranh trên, chúng ta mới chỉ thấy màu sắc, đường nét và ánh sáng. Đến đây chúng ta còn nghe thấy được âm thanh của rừng, đó là tiếng nhạc ve. Nhạc ve làm cho không khí trở nên xao động. Phải nói rằng trong các bức tranh ở đây thi Việt Bắc mùa hè là đặc sắc hơn cả. Trong câu thơ, chúng ta thấy dường như có một phản ứng dây chuyền chạy từ đầu đến cuối câu thơ. Ve kêu gọi hè đến, hè đến làm cho những rừng phách ngả sang màu vàng. Ai đã lên Việt Bắc, dễ thấy hình ảnh kỳ lạ của những cánh rừng phách. Trong những ngày cuối cùng của mùa xuân, những cây phách vẫn là màu xanh, nụ hoa vẫn náu kín trong những kẽ lá «, Nhưng khi những tiếng ve đầu tiên của mùa hè cất lên thì chúng nhất loạt trở hoa vàng. Chỉ cỡ vài ba ngày mà những rừng phách đã lênh láng sắc vàng. Chữ “đổ” là một chữ tinh tế. Nó nhấn mạnh vào khía cạnh mau lẹ trong việc biến đổi màu sắc, đồng thời diễn tả những trận mưa hoa vàng rừng phách mỗi khi có một luồng gió ào qua. Bõ ràng, gam màu đến đây đã thay đổi hẳn, sắc trắng đã nhường chỗ hẳn cho sắc vàng. Dường như âm thanh đã làm đổi thay màu sắc. Trên nền cảnh ấy

xuất hiện một hình ảnh lao động đầy kiên nhẫn của một cô gái Việt Bắc: “Nhớ cô em gái hái măng một mình”. Hình ảnh này làm toát lên dáng điệu chịu thương, chịu khó, hay lam hay làm, giàu đức hy sinh. Bao bọc lên hình ảnh này dường như chúng ta thấy sự cảm thương kín đáo của người viết.

Bộ tranh này kết thúc bằng bức tranh thu. Ba bức tranh trên là cảnh ngày, riêng bức này là cảnh đêm. Bức tranh vẽ ra những ánh trăng rọi qua vòm lá tạo thành một khung cảnh huyền ảo: “Rừng thu trăng rọi hoà bình”. Nó xui khiến ta nhớ đến một câu thơ cũng viết về đêm rừng Việt Bắc của Hồ Chí Minh: “Trăng lồng cò thụ bóng lồng hoa”. Đây đúng là khung cảnh trữ tình dành cho những cuộc hát giao duyên. Cho nên nó là cảnh cuối cùng: “Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung”. Chữ “ai” là cách nói bóng gió, ám chỉ người đang hát cùng với mình, làm cho lời lẽ trở nên tình tứ hơn. Và qua tiếng hát chúng ta thấy được phẩm chất ân tình, chung thuỷ của người Việt Bắc.

Tóm lại, bốn bức tranh, bốn cảnh sắc, bốn dáng điệu. Tố Hữu đã thâm tóm được những gì là đặc trưng nhất của quê hương cách mạng. Điều thú vị là tất cả đều hiện lên trong điệp khúc nhớ thương. Những chữ “nhớ” đứng ở đầu câu tạo nên âm hưởng rất mặn mà, da diết của nỗi nhớ. Trong nỗi nhớ tất cả đều hiện lên lung linh hơn, huyền ảo hơn.

(Theo GS Nguyễn Đăng Mạnh- chủ biên)

Đề thi học sinh giỏi về bài Việt Bắc- Tố Hữu

Đề 5 : Đề bài : Thơ là đi giữa nhạc và ý. Rơi vào cái vực ý, thì thơ sẽ sâu, nhưng rất dễ khô khan. Rơi vào cái vực nhạc, thì thơ dễ làm đắm say người, nhưng cũng dễ nông cạn. Tố Hữu đã giữ được thế quân bình giữa hai vực thu hút ấy. Thơ của anh vừa ru người trong nhạc, vừa thức người bằng ý

Chế Lan Viên-“Lời nói đầu tuyển tập thơ Tố Hữu”

Từ đoạn trích “Việt Bắc” (Ngữ Văn 12) của Tố Hữu, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Gợi ý :

Mở bài : Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu ý kiến của Chế Lan Viên, giới thiệu Tố Hữu và bài Việt Bắc.

Thân bài :

Luận điểm 1 :Giải thích ý kiến:

– “Thơ là đi giữa nhạc và ý”:

+ Nhạc tính trong thơ biểu hiện ở các yếu tố về vần, thanh, âm hưởng, nhịp điệu... và được khơi nguồn từ cảm xúc của nhà thơ; nhạc điệu của bài thơ chính là nhạc điệu của tâm hồn tác giả; tính nhạc làm nên sự hấp dẫn riêng biệt cho thơ.

+ Ý là nội dung tư tưởng mà tác giả gửi gắm trong bài thơ.

+ “Thơ đi giữa nhạc và ý” nghĩa là thơ vừa phải có tính nhạc để tạo sức hấp dẫn riêng làm đắm say lòng người, tránh được sự khô khan, nhưng đồng thời thơ cũng phải chứa đựng nội dung ý nghĩa nhất định để gửi gắm thông điệp sâu sắc về cuộc sống, tránh nông cạn.

– “Tố Hữu đã giữ được thế quân bình giữa hai vực thu hút ấy. Thơ của anh vừa ru người trong nhạc, vừa thức người bằng ý”:

+ Thơ Tố Hữu có sự hài hòa giữa “nhạc” và “ý”;

+ Chất nhạc làm cho thơ Tố Hữu ngọt ngào, tha thiết dễ đi vào lòng người; đồng thời thơ ông lay động hồn người bằng những ý thơ sâu sắc về những tình cảm lớn.

Luận điểm 2 : Làm sáng tỏ ý kiến của Chế Lan Viên qua đoạn trích “Việt Bắc”:

@ Bài thơ Việt Bắc “thức người bằng ý”:

+ Kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, hòa bình trở lại với miền Bắc, cán bộ cách mạng và Trung ương Đảng chia tay đồng bào, chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Sự kiện lịch sử ấy khơi nguồn cảm hứng cho Việt Bắc.

+ Việt Bắc là bản anh hùng ca tổng kết một giai đoạn lịch sử gian lao mà hào hùng của dân tộc với những mảng hoài niệm chân thực, rõ nét về con người và quê hương cách mạng:

~ Vẻ đẹp thiên nhiên Việt Bắc: thanh bình, thơ mộng nhưng cũng rất đổi oai hùng trong những ngày kháng chiến.

~ Con người Việt Bắc sống gian lao mà nghĩa tình, sẵn sàng chia ngọt sẻ bùi, kề vai sát cánh cùng Cách mạng.

+ Tái hiện kỷ niệm về Việt Bắc là để:

~ Bày tỏ lòng biết ơn sâu nặng của cán bộ cách mạng với đồng bào và quê hương Việt Bắc.

~ Đối thoại giữa “mình – ta” còn được xem là lời tự vấn của tác giả với lòng mình về nghĩa tình thủy chung đối với đất và người Việt Bắc.

~ Nhấn gửi bài học sâu sắc về đạo lý dân tộc: “uống nước nhớ nguồn”, “ngọt bùi nhớ lúc đắng cay”, quá khứ lịch sử luôn là một phần của hiện tại hôm nay.

@Bài thơ Việt Bắc “ru người trong nhạc”:

+ Chất nhạc của bài thơ được tạo nên từ nhịp điệu của cảm xúc, tâm trạng của thi nhân:

~ Cảm xúc chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ.

~ Kết cấu theo lối đối đáp, hô ứng kết hợp với cặp đại từ “mình-ta” thường gặp trong ca dao dân ca đã biến cuộc chia tay tập thể mang ý nghĩa lịch sử trở thành cuộc tình tự nồng nàn, tha thiết vừa ngân nga vừa sâu lắng giữa kẻ ở người đi.

+ Chất nhạc của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố hình thức:

~ Thể thơ lục bát truyền thống chuẩn trong cách gieo vần, phối thanh, gữn gữi với ca dao dân ca tạo nên âm điệu ngọt ngào

~ Nhịp thơ có sự thay đổi phù hợp với cảm xúc: chậm rãi, tha thiết, lắng sâu trong hoài niệm về thiên nhiên, con người; nhanh, mạnh, hối hả gấp gáp khi tái hiện những tháng ngày kháng chiến hào hùng và niềm vui chiến thắng -> Việt Bắc là

một bản nhạc đa dạng về tiết tấu, có nhẹ nhàng sâu lắng, có cao trào hào sảng, hân hoan.

~ Nghệ thuật dùng từ láy, điệp từ ngữ, điệp cấu trúc cú pháp...

~ Nghệ thuật tiểu đối...

* Đánh giá, nhận xét:

– Ý kiến của Chế Lan Viên không chỉ đánh giá đúng đắn, ghi nhận và tôn vinh tài năng thơ Tố Hữu mà còn có tư cách là một định nghĩa về thơ nói chung.

– Bài thơ Việt Bắc hài hòa giữa “nhạc” và “ý”, vì vậy một vấn đề lịch sử chính trị vốn khô khan, khó viết, qua ngòi bút Tố Hữu đã thành những vần thơ đến với người đọc bằng con đường của trái tim; thêm một lần nữa chúng tỏ: Tố Hữu là đỉnh cao của thơ trữ tình chính trị

Đề thi học sinh giỏi về Tây Tiến và Việt Bắc 1

Đề 6 :

Đề bài: Trong bài thơ “Vân chữ”, Lê Đạt viết:

“Mỗi công dân đều có một dạng vân tay

Mỗi người nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ

Không trộn lẫn”

Từ hai đoạn thơ dưới đây, hãy chỉ rõ dạng “vân chữ” “không trộn lẫn” của mỗi nhà thơ:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

...Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

(Tây Tiến – Quang Dũng)

“Nhớ gì như nhớ người yêu

...Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”

(Việt Bắc – Tố Hữu)

Hướng dẫn : Thực ra đây là dạng đề nghị luận ý kiến bàn về văn học, các em có thể làm theo dàn ý sơ lược của kiểu bài này như sau :

Mở bài :

+Giới thiệu hai đoạn thơ trong đề bài

+ Trích dẫn ý kiến của Lê Đạt

+ Giới thiệu vấn đề nghị luận: “vân chữ” “không trộn lẫn” của mỗi nhà thơ trong hai đoạn thơ trên

Thân bài :

+ Giải thích ý kiến :

Vân tay là gì ?ý nghĩa ?

Vân chữ là gì? biểu hiện của vân chữ? Vai trò của vân chữ đối với mỗi nhà thơ?

->>Ý kiến trên khẳng định sự sáng tạo trong thơ.

+ Phân tích hai đoạn thơ để làm nổi bật vấn đề , chứng minh cho ý kiến: thực chất là phân tích sự sáng tạo, cái hay, nét riêng biệt của hai đoạn thơ

+Kết bài : Đánh giá chung về hai nhà thơ, hai đoạn thơ

Bài làm 1

(Bài viết của học sinh)

Sinh thời, Macxim Gorki từng khẳng định “ Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng của mình, tìm thấy những ấn tượng có các giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng ấy có hình thức riêng”. Có thể nói, một người nghệ sĩ chân chính và có tài năng thật sự phải biết nhìn cuộc sống bằng con mắt của chính mình, bằng một cảm quan riêng để tạo ra được tiếng nói riêng, phong cách riêng. Nếu như là sao chép, vay mượn từ sự sáng tạo sẵn có của người khác, thì đó chỉ là một người thợ đơn thuần mà thôi. Một nhà sáng tác đích thực càng thành công thì phong cách sáng tạo của người đó càng độc đáo, đặc sắc. Đúng như Lê Đạt từng viết trong bài thơ “Vân Chữ”

“Mỗi công dân đều có một dạng vân tay
 Mỗi người nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ
 Không trộn lẫn”

Mỗi con người sinh ra đều có một dấu vân tay riêng, mang những đường nét, hình dạng đặc thù, không giống nhau với bất kì ai cho dù đó là anh chị em đồng sinh. Vân tay là dấu hiệu, cũng là cơ sở chuẩn xác để xác minh danh tính của một công dân, được lưu trữ để xác thực nhân thân, phân biệt với người khác. Với cách nói đầy hình ảnh gợi sự liên hệ tương đồng với vân tay, Lê Đạt đã dùng “vân chữ” để chỉ hình thức sáng tạo ngôn từ độc đáo, hiểu rộng ra là nét riêng, cá tính sáng tạo của một nhà thơ. Đồng thời, cũng là để nhấn mạnh đó là yếu tố quan trọng để tạo nên một “người nghệ sĩ thứ thiệt” – một người nghệ sĩ chân chính, có tài năng và có tư chất..

Sáng tác thơ là quá trình tạo nên một tác phẩm nghệ thuật bằng ngôn từ nhằm truyền tải cảm xúc hay một nội dung ý nghĩa nào đó. Nhưng đặc tính của nó không nằm trong thông điệp tác giả gửi gắm mà nó nằm ở lớp vỏ ngôn từ. Ngôn từ vừa là phương tiện thể hiện, vừa là chính bản chất của một tác phẩm thi ca. Một bài thơ xuất sắc là một bài thơ mà việc bớt đi, thêm vào hay thay đổi dù một chữ cũng làm giảm đi giá trị của nó. Bởi vậy chất lọc và sử dụng ngôn từ đạt đến tinh hoa thẩm mỹ đều là việc mà bất cứ nhà thơ nào cũng phải hướng tới, một khi đã muốn khẳng định và duy trì sự hiện tồn của mình trong một nền văn học. Không chỉ vậy, việc chất lọc và sử dụng đó còn cần mang một cá tính sáng tạo riêng, một phong cách không trùng lặp, đó chính là “vân chữ” mà Lê Đạt nhắc đến. Từ lịch sử văn học thế giới nói chung và lịch sử văn học Việt Nam nói riêng, có thể thấy khi nhà thơ đáp ứng được những đòi hỏi đó, thì tác phẩm và tên tuổi của họ sẽ trường tồn mãi với thời gian. Tiêu biểu cho nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 là hai tác giả Quang Dũng và Tô Hữu, cho dù cùng viết về nỗi nhớ tha thiết những địa danh từng công tác, gắn bó trong suốt những tháng ngày gian khổ mà hào hùng cả dân tộc

cùng tham gia kháng chiến chống Pháp, song mỗi nhà thơ đều có một nét đẹp rất riêng, rất độc đáo trong sáng tác, thể hiện qua đoạn trích của hai bài thơ “ Tây Tiến” và “ Việt Bắc”.

Tám câu thơ đầu trong bài thơ “Tây Tiến” đã thể hiện nỗi nhớ da diết của Quang Dũng qua việc miêu tả rừng núi miền Tây, nhắc nhở những kỷ niệm về các chặng đường hành quân gian khổ mà kiên cường, anh dũng:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !

.....

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

Mở đầu bài thơ là một tiếng gọi tha thiết.

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!”- ta cảm nhận được dồn nén trong một câu thơ bảy chữ ngắn ngủi là cả một nỗi nhớ còn cào, da diết khôn nguôi. Vần “ơi” ngân nga, khiến nỗi nhớ dường như kéo dài miên man. Và nỗi nhớ ấy lại càng trải rộng thêm ra, trùm phủ khắp không gian núi rừng miền Tây khi chữ “nhớ” được lặp lại hai lần trong câu thơ thứ hai. Cái tài tình của Quang Dũng là đã miêu tả nỗi nhớ đó là “nhớ chơi vơi” – một hình ảnh thơ đầy sáng tạo, độc đáo và đem lại một hiệu quả vô cùng đắt giá. Từ “chơi vơi” cùng từ “ơi” ở câu trên vang vào thơ như một tiếng vọng, tạo ra một sự âm vang, gọi lên cái phiêu diêu, cái “chơi vơi” của nhà thơ giữa những hình ảnh của rừng núi trở về, hiện lên sống động rộn ngợp khắp không gian. Một người ngoài cuộc hẳn không thể có nỗi nhớ ấy. Chỉ có Quang Dũng với nỗi lòng của mình mới có nỗi nhớ ấy mà thôi. Thông thường, người ta thường nhớ về kỷ niệm để lại dấu ấn sâu sắc nhất với mình. Đối tượng đầu tiên trong nỗi nhớ của Quang Dũng là nhớ về rừng núi:

“Nhớ về rừng núi...”

Có lẽ bởi trong suốt cuộc hành quân cùng binh đoàn Tây Tiến, rừng núi chính là khung cảnh đặc trưng nhất, quen thuộc nhất đối với Quang Dũng và đồng đội.

Rừng núi in đậm bao niềm vui nỗi buồn của người lính. Hơn ai hết, tác giả chính là người thấm thía nhất những khó khăn mình đã từng trải qua:

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi
 Đốc lên khúc khuỷu, đốc thăm thăm
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông mùa xa khơi”

Quang Dũng không miêu tả thẳng những khó khăn gian khổ của người lính mà chỉ miêu tả cái hoang vu khắc nghiệt của một vùng rừng núi hoang dã; song đọc đoạn thơ ai cũng hiểu, cũng có thể tưởng tượng ra cuộc sống chiến đấu của người lính Tây Tiến. Những địa danh “Sài Khao”, “Mường Lát”, “Pha Luông” xa lạ càng làm cho núi rừng trở nên xa ngái, hoang vu, mà ở đó, kỷ niệm ủa về đầu tiên trong nhà thơ chính là những cuộc hành quân:

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”

Câu thơ chùng xuống, đều đều, gợi lên sự mỏi mệt, bải hoải, nặng nề, khiến ta tưởng chừng như đoàn binh Tây Tiến sắp ngã xuống, sắp bị lấp chìm đi trong sương núi. Những không, âm điệu bài thơ bỗng trở nên nhẹ bâng, bông bênh bởi một câu thơ nhiều thanh bằng:

“Mường Lát hoa về trong đêm hơi”

Đó là hương hoa đêm của núi rừng đưa hương ngào ngạt, hay là hình ảnh những ngọn đuốc hoa trên tay người lính cầm trong cuộc hành quân giữa đêm dài? Có lẽ hiểu theo nghĩa nào cũng đúng, hình ảnh nào cũng rất hay, rất đẹp, rất lãng mạn hiện lên trong một không gian mờ ảo, phiêu bồng “đêm hơi”. Câu thơ đã xóa tan đi sự mỏi mệt của đoàn quân Tây Tiến để đoàn quân bước tiếp, tiếp tục vượt qua những chặng đường gian khổ:

“Đốc lên khúc khuỷu đốc thăm thăm
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”

Hình ảnh “khúc khuỷu” hiện lên làm ta cảm giác con đường đi khó khăn, vất vả biết mấy. “Dốc thăm thăm” lại làm cho những khó khăn ấy dài thêm ra, sâu hút xuống, và cũng như tôn vị trí người lính đang đứng lên cao vọi vọi, sau khi đã vượt lên những con đường ngoằn ngoèo, uốn khúc. Đọc câu thơ lên ta cảm nhận rất rõ những bước chân nặng nề gượng gượng, những hơi thở nặng nhọc của người lính khi vượt qua hết con dốc này đến con dốc khác, dốc chòng lên dốc, hết dốc lên cao lại dốc lao xuống vô cùng vô tận. Thiên nhiên, địa hình khắc nghiệt của Tây Bắc hiện lên rõ nét, sinh động qua nét bút bạo, khỏe, gân guốc, ngôn ngữ có tính chạm khắc với một loạt những từ láy “khúc khuỷu”, “thăm thăm”?

Song, dù thiên nhiên có khắc nghiệt đến đâu, chặng đường có gian khổ cách mấy thì người lính Tây Bắc vẫn hiên ngang, oai dũng vô cùng qua hình ảnh:

“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”

Giữa cái xa xôi, hiu hắt, vọi vọi của độ cao, nơi nguy hiểm chòng chát dựng lên thành dốc, thành cồn, người lính đứng đó, mái đầu và đầu súng như chạm vào mây trời, ngang tàng, hiên ngang và khí phách. Hình ảnh thơ tếu táo “súng ngửi trời” đã nhấn đậm thêm vào vẻ đẹp ấy của người lính. Ta thấy con người và cây súng đã làm chủ được thiên nhiên, làm chế ngự được những khắc nghiệt, thử thách gian lao của một vùng sơn cước u minh. Quang Dũng đã sử dụng một hình ảnh hết sức sáng tạo, và vô cùng đặc địa. Chỉ một từ “ngửi” đã nói lên được cái ngông, cái ngang tàng của người lính trẻ. Đó không phải là “chạm trời”, hay “chọc trời” mà cây súng ở đây lại “ngửi trời”? Bao nhiêu gian lao khi vượt dốc, băng đường, trở thành một việc vô cùng đơn giản, dễ dàng, con con, chỉ để người lính “ngửi” xem trời như thế nào mà thôi.

“Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống” cũng giống câu thơ: “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thăm” có nhịp ngắt 4/3 với điệp từ và hai vế đối đã bẻ gập câu thơ, vẽ nên trong không gian những đường gấp khúc của rừng núi Tây Bắc : lên cao ngút trời, sâu xuống vô cùng, hun hút không thấy đáy. Ấy vậy mà khi vượt qua

những chặng đường hành quân như vậy, dường như người lính lại chẳng hề mệt mỏi, bởi dường như bao nặng nhọc đã vơi đi hết bởi một câu thơ toàn thanh bằng độc đáo:

“Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

Đó chính là cái tài ở thơ Quang Dũng. Câu thơ đã gọi lên cái phiêu diêu, chơi vơi, bay bổng nhẹ tênh của không gian rộng mở. Những mỏi mệt đã lùi hết về phía sau, vương lại nơi những khấp khểnh đường đi mà người lính đã vượt qua. Người lính bây giờ chỉ thấy khung cảnh trước mắt trải ra ngút ngàn: những ngôi nhà xa xôi, chìm khuất ẩn hiện trong màn mưa, gọi lên sự băng khuâng và thoáng thẳm lặng trong nỗi nhớ quê nhà.

Tám câu thơ mở đầu “Tây Tiến” đã gọi ra toàn cảnh những vất vả, gian lao, của chặng đường hành quân giữa thiên nhiên khắc nghiệt, rợn ngợp. Đó có lẽ là những ấn tượng sâu sắc và đậm nét nhất trong những kỷ niệm về Tây Tiến của nhà thơ. Xuyên suốt đoạn thơ, ta cảm nhận được nỗi nhớ khi dâng lên ào ạt, mãnh liệt, khi lại như tràn ra mệnh mang sâu lắng qua từng câu thơ, vắn vỏi xen giữa những câu thơ vắn tắc, âm hưởng thơ trùng điệp, khi lên bổng lúc xuống trầm, lãng mạn và cũng hào hùng khôn tả.

Cũng là một nỗi nhớ về nơi đã từng gắn bó trong những năm tháng hoạt động Cách mạng, song ta lại bắt gặp một phong cách thơ hoàn toàn khác với “Tây Tiến”, đồng thời mang một vẻ đẹp riêng, đó là bài “Việt Bắc” của Tố Hữu. Nếu như “Tây Tiến” được viết theo thể thất ngôn trường thiên thì “Việt Bắc” được Tố Hữu viết theo thể thơ lục bát, mang ít nhiều âm hưởng của ca dao, dân ca. Có lẽ bởi vậy mà nỗi nhớ trong bài thơ là một nỗi nhớ tha thiết, còn cào mà sâu lắng, đằm thắm, ngọt ngào, đặc biệt là đoạn thơ:

“Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi, trăng chiều lưng nương

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngôi thia sông Đáy suối Lê vơi đầy
Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây, ta đó đắng cay ngọt bùi...”

Đọc đoạn thơ, ta thấy ở “Việt Bắc” là một “vân chữ” hoàn toàn khác với “Tây Tiến” Cả đoạn thơ là một khúc ca êm ái, ngọt ngào, chứa chan tình cảm với lời thơ mở đầu:

“Nhớ gì như nhớ người yêu”

Nỗi nhớ người yêu là nỗi nhớ như thế nào?

Đó là nỗi nhớ mà chỉ có những người từng trải qua cảm giác yêu rồi mới có thể hiểu rõ được. Tố Hữu đã từng tâm sự với Moselle Gansel – một nhà nghiên cứu văn học người Pháp, rằng ông đã phải lòng đất nước mình, vậy cho nên ông nhớ đất nước mình, yêu đất nước mình như nhớ, như yêu hai người đàn bà trong trái tim ông. Chính vì thế mà Tố Hữu mới có thể viết ra một câu thơ lãng mạn đến vậy để miêu tả nỗi nhớ về Việt Bắc “Nhớ gì như nhớ người yêu”. Đó là nét riêng trong sáng tạo, một hình ảnh thơ mà chỉ có Tố Hữu mới hiểu rõ và viết ra đầy tình cảm khiến ta liên tưởng đến câu ca dao:

“Nhớ ai bồi hồi bồi hồi”

Như đứng đồng lúa như ngồi đồng than”

Đó là nỗi nhớ về những khung cảnh thơ mộng đầy thi vị của vùng Tây Bắc

“Trăng lên đầu núi, trăng chiều lưng nương”

Hai vế câu thơ là chỉ thời gian đôi lứa hò hẹn nhau. Người Việt Bắc cần mẫn, lam lũ, nên thời gian nghỉ ngơi trong ngày là rất ít, những chàng trai cô gái chỉ có thể gặp gỡ nhau khi trăng đã lên ngang tâm đỉnh núi, hoàng hôn đã buông lưng chừng nương rẫy mà thôi. Có lẽ bởi vậy cho nên khung cảnh khi đó mới là đẹp nhất, lãng

mạn nhất trong ngày, nên đã để lại ấn tượng trong Tố Hữu một cách rõ nét và sâu sắc hơn cả.

Nằm bình yên giữa núi cao và nương rẫy là những bản làng người dân tộc vùng cao. Khói bếp thổi com đưa lên hòa cùng với sương sớm và sương chiều buông phủ xa mờ, tạo nên một bức tranh nên thơ, lãng mạn mơ màng:

“Nhớ từng bản khói cùng sương”

Trong những ngôi nhà chìm khuất trong khói sương ấy là hình ảnh cô thôn nữ tảo tần

“Sớm khuya bếp lửa người thương đi về”

Những cô gái Việt Bắc thao thức chờ đợi bên bếp lửa gợi lên không gian ấm áp tình người và cả tình đời, lưu giữ lại trong tác giả một hình ảnh thân thương, ấm áp.

Việt Bắc có những vùng bạt ngàn tre nứa, mang đầy sức sống và cũng mang bóng dáng của con người nơi đây và những vẻ đẹp giản dị, mộc mạc mà ngay thẳng, kiên cường bất khuất. Tác giả nhớ về rừng tre nứa cũng là nhớ phẩm chất của con người nơi đây:

“Nhớ từng rừng nứa bờ tre”

Nhớ từ những bản làng, người cán bộ đưa tầm nhìn của nỗi nhớ rộng sang những rừng tre nứa, rồi những con suối, dòng sông len lỏi giữa núi rừng:

“Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê rơi đây”

Hai chữ “vơi đây” không chỉ miêu tả dòng nước mà còn để chỉ sự ấm áp của nghĩa tình gắn bó giữa cán bộ Cách mạng và người dân Việt Bắc suốt 15 năm dài kháng chiến.

Như vậy, mỗi bài thơ đều có phong cách rất riêng, khơi gợi lên trong lòng độc giả những sắc thái cảm xúc khác nhau. Đó chính là “vân chữ” của mỗi tác giả, tạo nên giá trị riêng cho mỗi bài thơ, làm nên sự nổi tiếng và sức sống lâu bền cho tác phẩm. Viết ra được những lời thơ như vậy là nhờ vào không chỉ tài năng mà còn là

khả năng đào sâu tìm tòi những điều mới mẻ và những cảm xúc, cảm nhận riêng của từng tác giả. Có thể nói Tố Hữu và Quang Dũng là những người nghệ sĩ thứ thiệt với mỗi “dạng vân chữ” độc tòn, “không trộn lẫn” của riêng mình.

Lời thơ của Lê Đạt là hoàn toàn đúng đắn và là nhận định có giá trị đánh giá một người nghệ sĩ trong sáng tác văn học.

Một nhà thơ đích thực, một nhà thơ thành công là một nhà thơ biết tạo một dấu ấn riêng biệt, độc đáo trong tác phẩm của mình.

Bài làm 2 :

(Bài viết của học sinh)

Cõi đời là cõi hữu hạn. Nhà soạn nhạc thiên tài Beethoven dừng chân tại kiếp sống này và để lại cho đời bản Sonata “Ánh trăng”- bản giao hưởng định mệnh. Nhà văn Banzac trước khi về với đất mẹ dấu yêu cũng ghi lại tên mình trên tượng đài văn học với “Tấn trò đời” .

Sự đời “thương hải tang điền”, rồi một ngày kia dòng sông năm tháng sẽ cuốn đi tất cả. Những thành quách lâu đài, những kì quan của tạo hóa rồi cũng sẽ dần phai pha... Thế nhưng, giữa dòng chảy nghiệt ngã ấy, người đời vẫn nhớ đến một ngòi bút Quang Dũng tài hoa, một tiếng thơ thiết tha Tố Hữu, đúng như Lê Đạt viết:

“Mỗi công dân đều có một dáng vân tay

Mỗi người nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ

Không trộn lẫn”

(Vân chữ)

Quan điểm này đã được thể hiện rõ qua đoạn thơ của nhà thơ Quang Dũng trong “Tây Tiến”

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi ?

...Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi?

Và đoạn thơ của nhà thơ Tố Hữu trong “Việt Bắc”

“Nhớ ai như nhớ người yêu

....Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê rơi đầy”

Nhà thơ là danh hiệu cao quý mà không phải ai cũng có, dù cho “bản chất của mỗi người là nghệ sĩ” (M.Garti), dù cho ai ai cũng có một nhà thơ ẩn khuất trong tâm hồn mình. Hai chữ tài năng đâu phải nhà thơ nào cũng có được. Chỉ có những nhà thơ thật sự xuất chúng mà theo Lê Đạt là có “vân chữ” riêng mới có thể xứng đáng với tiếng gọi “tài năng” này. Với Lê Đạt, nếu như “vân tay” là những đường nét chỉ có duy nhất ở mỗi người, dựa vào đó để phân biệt người này với người khác thì để phân biệt nghệ sĩ thứ thiệt với người nghệ sĩ tầm thường, “vân chữ” là một công cụ đặc lực. Rất nhiều nhà thơ đã sinh ra và ở lại giữa cuộc đời này nhờ vào “vân chữ” – một giọng nói riêng, phong cách nghệ thuật độc đáo và riêng biệt. Cũng giống như vân tay, phong cách nghệ thuật của mỗi người cũng một khác. Đây cũng là lý do cốt yếu tạo nên sự đa dạng cho văn chương.

Khổ thơ đầu của bài thơ “Tây Tiến” là một minh chứng rõ nét cho “vân chữ” tài tình của Quang Dũng. Bằng nỗi nhớ về đồng đội, về chiến trường năm nào, nhà thơ bật lên một tiếng gọi tha thiết, băng khuâng khi đứng trước kỷ niệm đã xa:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”

Nhịp thơ êm đềm, giàu cảm xúc biểu cảm được người thi sĩ trở về với cảnh thiên nhiên Tây Bắc, với dòng sông Mã hiền hòa chảy qua Việt Nam rồi trở về với biển khơi xanh thẳm. Đó là dòng sông in dấu bao dấu chân của đoàn quân “Tây Tiến”, là chứng nhân bao kỷ niệm buồn vui của những người lính trẻ kiên cường, là người bạn tiễn đưa bao anh lính trẻ về với đất mẹ, về với cõi vĩnh hằng. Với Quang Dũng, cả sông Mã và Tây Tiến đều đã “xa rồi”. Hai tiếng “xa rồi” khác gì đâu tiếng thở dài, nuối tiếc về hình ảnh dòng sông giờ chỉ còn lại trong kỷ niệm, trong ký ức của người ra đi, thức dậy trong lòng thi nhân nỗi nhớ:

“Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi”

Đó là nỗi nhớ về núi non Tây Bắc hùng vĩ năm nào, là địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến, nơi chôn bao lớp xác quân thù và cũng là người bạn đồng hành, chở che cho những anh lính trên đoạn đường hành quân đầy gian khổ:

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng
 Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
 Núi giăng thành lũy sắt dày
 Rừng che bộ đội rừng vây quân thù
 (Việt Bắc – Tố Hữu)

Một câu thơ thôi mà biết cao tình cảm dồn nén trong điệp từ “nhớ”, từng lớp sóng của nỗi nhớ dào dạt, mạnh mẽ dâng trào trong tâm hồn đang hướng về phương xa để rồi thúc giục ngòi bút viết lên từng dòng thơ đong đầy cảm xúc, gọi tên nỗi nhớ vô hình: “nhớ chơi vơi”. Đây không phải là lần đầu tiên người đọc bắt gặp nỗi nhớ ấy trong thơ, cũng đồng nghĩa với việc trước Quang Dũng cũng đã có người gọi tên nỗi nhớ ấy rồi. Ca dao xưa từng nói:

“Ta về nhớ bạn chơi vơi”

Đền Xuân Diệu, nhà thơ cũng từng giải bày:

“Tương tư nâng lòng lên chơi vơi”

Khác với nỗi nhớ về một người, nỗi nhớ về tình riêng ấy, nỗi “nhớ chơi vơi” của Quang Dũng kết thúc bằng hai âm mở mang âm hưởng vọng dài, lan tỏa. Tiếng gọi như vọng ra từ những vách đá của núi rừng Tây Bắc, như vọng ra từ cõi nhớ ngàn trùng của nhà thơ. Câu thơ đọc lên nhẹ tênh, vô hình vô lượng như lại có sức ám ảnh vô cùng.

Dòng cảm xúc bắt nhịp thời gian và không gian đưa nhà thơ trở về với những địa danh gắn liền với kỉ niệm:

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi”

Hai địa danh đứng đầu dòng thơ dẫn dắt người đọc hướng về miền đất xa xôi, hoang dã, mới nghe mà đã thấy chồn chân mỗi góì rồi. Riêng từ “mỗi” cũng đủ để tái hiện lại hiện thực gian nan, vất vả của cuộc đời người lính trong những năm tháng chiến đấu. Trong thời binh lửa tao loạn là thế nhưng người lính vẫn rộng mở tâm hồn, tinh tế đón nhận vẻ đẹp “hoa về trong đêm hơi”. Thật đẹp làm sao hai chữ “hoa về”! Đó là những bông hoa rừng Tây Bắc rung rinh chào đón những người con ưu tú của dân tộc. Đó là những ngọn đuốc hoa của người dân núi cao đón bộ đội về với rừng, với bản! Từ thơ của Quang Dũng hàm chứa tất cả, làm ấm lòng người chiến sĩ trong những ngày tháng gian lao. Hình ảnh thơ như tượng trưng cho sự lạc quan, yêu đời trong tâm hồn người lính trẻ, mãi là vẻ đẹp lãng mạn của những người thanh niên đất Hà Thành.

Nỗi nhớ dựng kỉ niệm thành bức tranh Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội, nổi bật với bức chân dung của người lính Tây Bắc

“Đốc lên khúc khuỷu, đốc thăm thăm

Heo hút cồn mây, súng ngửi trời”

Câu thơ có bảy chữ mà có tới 5 thanh trắc nghe sao thật nhọc nhằn, vất vả. Trở lại gần ba trăm năm về trước, khi miêu tả con đường đưa Kiều đến lầu xanh, đại thi hào Nguyễn Du cũng từng viết:

“Vó câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh”

(Truyện Kiều)

Cũng như Nguyễn Du, Quang Dũng đã sử dụng những thanh trắc để làm nổi bật con đường Tây Tiến gian khổ và hiểm trở. Lời thơ gọi cho người đọc hình dung về địa hình khắc nghiệt trước không gian bao la của đất trời. Bằng từ láy “khúc khuỷu”, “heo hút” cùng “đốc” nối “đốc”, Quang Dũng đã mở ra một không gian ba chiều khiến hình ảnh thơ được chạm nổi thành bức tranh phù điêu của tạo hóa nơi núi rừng Tây Bắc hùng vĩ. Nhưng đẹp thay, hình ảnh người lính trước không gian bao la không hề nhỏ bé, hữu hạn. Trung tâm thần hứng của đoạn thơ dồn vào

ba chữ “súng ngửi trời”. Quang Dũng không nói người lính mà ta vẫn thấy người lính, từ “ngửi” vẽ ra hình ảnh người lính chót vót trên đỉnh núi, là một nhân hóa tinh nghịch gợi ra vẻ đùa tếu hóa. Nếu chỉ là “súng chạm trời” câu thơ sẽ làm mất đi vẻ ngang tàng và bản lĩnh của những anh lính ra đi từ thủ đô hoa lệ. Họ đã vượt qua và chinh phục được thiên nhiên với một vẻ đẹp riêng

“Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều”

Đến đây nhà thơ tiếp tục nhớ lại những chặng đường hành quân gian khổ của người lính từ đó làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của họ:

“Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông, mưa xa khơi”

Câu thơ ngắt nhịp 4/3 cùng với điệp từ “ngàn” ở 2 vế thơ kết hợp với động từ chỉ hướng “lên” “xuống” tạo nên nét gập gãy đầy ấn tượng, gợi hình dung những con dốc đột ngột dựng đứng rồi đột ngột hạ xuống đầy hiểm trở. Thế nhưng bước chân người lính đã vượt qua được tất cả, chinh phục được thiên nhiên và cảm nhận vẻ đẹp của đất trời Tây Bắc :

“Nhà ai Pha Luông, mưa xa khơi”

Câu thơ như giai điệu buông thả mở ra hình ảnh người lính dừng chân, phóng tầm mắt ra xa để thấy những mái nhà nơi bản làng thấp thoáng, mờ ảo trong màn mưa trắng xóa đất trời. Câu thơ thể hiện sự thanh thoi, nhẹ nhõm, thể hiện chất lãng mạn, bay bổng – một nét đẹp trong tâm hồn người lính Tây Tiến.

Đoạn thơ có thể tái hiện lại chặng đường đầy gian khổ cũng như vẻ đẹp của người lính Tây Tiến là nhờ bút pháp lãng mạn. Những gian khó, nhọc nhằn được tái hiện lại thật sắc nét qua những hình ảnh “dốc”, “núi”, “cồn mây”... Ngoài ra thủ pháp đối lập còn tạo nên sự chông chênh, chót vót của hình ảnh con người trên đỉnh núi cheo leo. Cũng có thể nói, đoạn thơ là một phần đặc trưng cho phong cách nghệ thuật của Quang Dũng: Viết rất hay về người lính vệ quốc, trong thế giới nghệ

thuật của ông luôn có một ngòi bút giàu chất lãng mạn, có khả năng diễn tả tinh tế một vẻ đẹp của thiên nhiên, con người.

Đến với đoạn thơ trong “Việt Bắc” của Tố Hữu, người đọc lại có dịp khám phá “vân chữ” “không trộn lẫn” của Tố Hữu- một nhà thơ, hồn thơ của dân tộc. Trong giây phút chia tay đầy bịn rịn, luyến tiếc, hình ảnh Việt Bắc trong hồi tưởng của các cán bộ Cách mạng dần hiện lên như một thước phim quay “chậm về” cuộc sống trong “mười lăm năm ấy” Có lẽ chẳng có ai “thật” hơn Tố Hữu khi so sánh.

“Nhớ gì như nhớ người yêu”

Cách liên tưởng này cũng tô đậm thêm tấm lòng nặng tình, nặng nghĩa, trước sau như một của người ra đi dành cho người ở lại! Đâu chỉ có người ở lại mới mang nỗi nhớ nặng lòng, người ra đi cũng nhớ lắm những ngày tháng cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, những vẻ đẹp rất “Việt Bắc” không nơi đâu có:

“Trăng lên đầu núi, trăng chiều lưng nương”

Khung cảnh thơ mộng, thi vị ấy chỉ có ở vùng chiến khu Việt Bắc lịch sử. “Trăng” và “năng” vẫn là hai hình ảnh thơ không còn xa lạ gì trong kho tàng thơ Việt Nam. Hồ Chủ tịch từng có một hình ảnh trăng rất thơ mộng, yên tĩnh:

“Khuya về bát ngát, trăng ngân đầy thuyền”

(Rằm tháng riêng)

Thế nhưng hai hình ảnh này được đặt trong không gian đặc trưng của Việt Bắc lại mang vẻ đẹp rất riêng, gợi ra cái thơ mộng cùng vẻ hoang dã của rừng núi. Đây cũng là thời gian hò hẹn của lứa đôi. Bóng dáng những chàng trai và những cô gái e ấp, hẹn hò đôi lứa tự bao giờ đã trở thành một phẩm chất của cảnh Việt Bắc thanh bình, là ký ức không thể quên của những cán bộ cách mạng khi về xuôi chia tay Việt Bắc. Họ ra đi mang theo dư âm của khung cảnh thi vị và mang theo cả hình ảnh bản làng chìm khuất giữa khói sương hư ảo.

“Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về”

Cận cảnh từng bản làng ấy là những cô gái Việt Bắc đang thao thức chờ đợi bên bếp lửa. Trong nỗi nhớ về quá khứ, ta thấy được cả hơi ấm của tình người, tình đời mà quân dân dành cho nhau suốt mười lăm năm trường kì kháng chiến.

Hình ảnh đặc trưng của núi rừng Việt Bắc là những hồi ức mà cán bộ cách mạng không bao giờ quên:

“Nhớ từng rừng nứa, bờ tre

Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vui đầy”

Ngày mới đến, tre nứa trải dài, bát ngát sức sống như mang bóng dáng của những con người nơi đây. Ngày họ đi, tre nứa còn là biểu tượng cho tâm hồn cả một đồng bào sắt son, thủy chung tình nghĩa bởi khi nhớ đến loài tre, họ sẽ nhớ đến những tháng ngày chung sống trên miền núi phía Bắc này. Những địa danh “ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê” không chỉ là nơi lưu dấu những chiến công mà còn là nơi lưu giữ những kỉ niệm. Cho nên cái “ấm áp” kia không chỉ là hình ảnh dòng nước mà còn là sự ấm áp của nghĩa tình. Hình ảnh Việt Bắc trong hồi tưởng ấy ít nhiều cũng thể hiện được tình cảm gắn bó tha thiết sâu nặng của cán bộ về xuôi dành cho những con người khoác “áo chàm”.

Khác với bài thơ “Tây Tiến”, đoạn trích trong “Việt Bắc” sử dụng ngôn từ mộc mạc, giản dị, ít mang giá trị tạo hình. Thể thơ truyền thống và cách so sánh, diễn đạt trong ca dao dân ca khiến bài thơ trở nên quen thuộc, dễ gần gũi với độc giả. Điều này cũng mang nét tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Tố Hữu, đậm đà tính dân tộc.

Hai đoạn thơ đều viết về một giai đoạn hào hùng của dân tộc: 1945 – 1954- giai đoạn kháng chiến chống Pháp, nhưng bên cạnh chủ đề khác nhau còn được thể hiện theo hai phong cách nghệ thuật khác nhau. Một bên lãng mạn, tinh tế, một bên đậm đà tình dân tộc với khuynh hướng thơ trữ tình chính trị. Sự khác nhau giữa 2 phong cách là do Tố Hữu luôn song hành cùng các giai đoạn đấu tranh cách mạng

của dân tộc, lại là 1 con người yêu nước, vui sướng khi được Đảng để góp sức cho nước nhà.

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
 Mặt trời chân lý chói qua tim”

Vì vậy mà thơ Tố Hữu đậm tính dân tộc và khuynh hướng thơ trữ tình chính trị. Còn Quang Dũng vốn là một nhà thơ mang ngòi bút với vẻ đẹp hào hoa, thanh lịch, lại từng trực tiếp tham gia vào đoàn binh Tây Tiến nên những kỉ niệm được khắc họa lại vô cùng chân thực. Hai bài thơ với hai “vân chữ” khác nhau mang trong mình những vẻ đẹp riêng, những vẻ đẹp làm nên một hồn thơ “Quang Dũng”, làm nên một Tố Hữu của người Việt Nam, sông Việt Nam, đất nước Việt Nam.

Sedrin từng nói: “Văn học vượt qua mọi quy luật băng hoại của thời gian. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”. “Tây Tiến” của Quang Dũng và “Việt Bắc” của Tố Hữu là những minh chứng hùng hồn cho nhận định muôn thuở ấy. Nhưng văn thơ ấy sẽ mãi ngân vang, bay xa trên thi đàn văn học nước nhà để mỗi người dân Việt Nam đều có quyền tự hào nói rằng chúng ta đã từng có một Tố Hữu như thế, một Quang Dũng như thế!

Đề thi học sinh giỏi về bài Tây Tiến và Việt Bắc 2

Đề 7 : Cổ nhân từng nói: “Thi trung hữu họa”, “Thi trung hữu nhạc”. Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng) và Việt Bắc (Tố Hữu), hãy làm sáng tỏ.

Mở bài : Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề

+ Giới thiệu ý kiến của cổ nhân : “Thi trung hữu họa”, “Thi trung hữu nhạc”

+ Giới thiệu về bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng) và Việt Bắc (Tố Hữu)

Thân bài ;

1 . Giải thích

Cắt nghĩa ý kiến:

– Thi: thơ. Thơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm.

– Thi trung hữu họa: Trong thơ có họa (có tranh, có cảnh).

Thi trung hữu nhạc: Trong thơ có nhạc.

=> Ý kiến trên của người xưa nói đến đặc trưng của thơ trữ tình là giàu hình ảnh và nhạc điệu. Ý kiến của cổ nhân hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.

Lí giải ý kiến:

– Thơ – nhạc – họa đều là các loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, đặc biệt là về chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Nếu họa dùng đường nét, màu sắc, nhạc dùng giai điệu, âm thanh thì thơ cũng như các tác phẩm văn chương lại sử dụng ngôn từ làm chất liệu. Ngôn từ có đặc điểm riêng: đó là chất liệu phi vật thể, vì vậy, tác động nhận thức không trực tiếp bằng các loại hình nghệ thuật khác song sức gợi mở của nó lại hết sức dồi dào, mạnh mẽ. Nó tác động vào liên tưởng của con người và khơi dậy những cảm nhận cụ thể về màu sắc, đường nét, hình khối, âm thanh, giai điệu.

– Thi trung hữu họa bởi vì: Văn học phản ánh hiện thực cuộc sống, thơ ca cũng không nằm ngoài quy luật đó. Thơ ca phản ánh cuộc sống qua hệ thống ngôn từ giàu hình ảnh. Không ở thể loại văn học nào ta bắt gặp nhiều hình ảnh, biểu tượng (hình ảnh có ngụ ý), hình tượng (hình ảnh có ngụ ý xuyên suốt tác phẩm) nổi bật như thơ ca. Hình ảnh trong thơ là sự khách thể hóa những rung cảm nội tâm bởi thế giới tinh thần vốn vô hình nên nhất thiết phải dựa vào những điểm tựa tạo hình cụ thể để hữu hình hóa. Hình ảnh trong thơ nổi bật vì còn mang màu sắc của cảm xúc mãnh liệt và trí tưởng tượng phong phú.

– Thi trung hữu nhạc bởi vì: Thơ ca là sự biểu hiện trực tiếp cảm xúc, tình cảm của con người. Cảm xúc biểu lộ mạnh mẽ ở thanh điệu, nhịp điệu của lời nói (ngôn từ). Tính nhạc là đặc thù cơ bản của việc phô diễn tình cảm của thơ ca. Âm thanh và nhịp điệu làm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều từ ngữ không thể nói

hết. Nhạc điệu trong thơ thể hiện nhịp vận động của đời sống, của nhịp đập trái tim, bước đi của tình cảm con người.

2.. Chứng minh qua hai bài thơ Tây Tiến và Việt Bắc

a. Thi trung hữu họa:

– Với trí tưởng tượng bay bổng, phong phú, kết hợp bút pháp miêu tả khái quát và cận cảnh, thủ pháp đối lập tương phản... Bài thơ Tây Tiến đã vẽ lên trước mắt người đọc:

+ Bức tranh chân thực về khung cảnh núi rừng miền Tây hiểm trở hùng vĩ nhưng vô cùng trữ tình thơ mộng.

+ Bức chân dung về người lính Tây Tiến hào hùng nhưng cũng rất đỗi hào hoa.

– Bằng lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ...) được sử dụng thích hợp... Bài thơ Việt Bắc đã tái hiện thành công:

+ Bức tranh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc.

+ Bức tranh về cuộc sống con người trong kháng chiến, bức tranh Việt Bắc ra quân hào hùng.

b. Thi trung hữu nhạc:

– Xuân Diệu nhận xét: Đọc bài thơ Tây Tiến như ngâm âm nhạc trong miệng. Tính nhạc trong Tây Tiến thể hiện ở:

+ Thể thơ thất ngôn mang âm hưởng trầm hùng phù hợp với việc biểu đạt nội dung.

+ Phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng trắc, sự hiệp vần: ơi, biện pháp điệp từ: nhớ, ngàn thước...

+ Sử dụng thành công hệ thống từ láy.

+ Nhạc điệu của bài thơ còn được tạo nên từ nỗi nhớ tha thiết, tình yêu sâu đậm của nhà thơ với mảnh đất Tây Bắc, với binh đoàn Tây Tiến, với quê hương, đất nước. Đó là nhạc điệu tâm hồn của thi nhân

– Tính nhạc trong Việt Bắc thể hiện ở:

+ Thể thơ lục bát: Nhịp nhàng, tha thiết, ngọt ngào, sâu lắng nhưng biến hóa sáng tạo không đơn điệu.

+ Sử dụng cặp đại từ: mình – ta.

+ Nghệ thuật đối: Được sử dụng với tần số cao, biểu đạt xúc động nổi lòng sâu kín của kẻ đi

– người ở đồng thời tạo ra sự cân xứng về cấu trúc vẻ đẹp nhịp nhàng của ngôn từ. Tất cả tạo nên nhạc điệu đầy quyến luyến, trầm bổng, ngân nga. Việt Bắc ru người trong nhạc.

+ Biện pháp điệp: điệp từ: nhớ, có nhớ; điệp cấu trúc: mình đi – mình về; câu hỏi tu từ... tạo nên nhịp ru cho bài thơ, diễn tả thành công nổi lòng kẻ đi – người ở.

+ Cách gieo vần và sử dụng từ láy cũng góp phần tạo nên nhạc điệu cho bài thơ.

+ Việt Bắc có giọng điệu tâm tình, tự nhiên, đầm thắm, là tiếng nói của tình thương mến ngọt ngào, là khúc tình ca và bản hùng ca về kháng chiến và con người kháng chiến... Thơ Tố Hữu phong phú nhạc điệu, một thứ nhạc giàu có tự bên trong của tâm hồn hoà với nhạc điệu lời cuốn của đời sống.

3.. Đánh giá, nâng cao vấn đề

– Khẳng định câu nói của cổ nhân là hoàn toàn đúng với thơ ca và được minh chứng rõ qua hai bài thơ Tây Tiến và Việt Bắc.

– Hai bài thơ giàu chất nhạc, chất họa, thể hiện tài năng của hai nhà thơ trong việc sử dụng ngôn từ nghệ thuật.

– Bài học cho người nghệ sĩ và người tiếp nhận.

Kết bài :

+Khẳng định lại ý nghĩa của câu nói : Giá trị nổi bật của thơ là chất họa và chất nhạc.

+Khẳng định giá trị của hai bài thơ

Đề 8 : Đề thi học sinh giỏi :Nét chung trong phong cách nghệ thuật của các nhà thơ Quang Dũng, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm qua 3 bài thơ

Đề bài :

Nét chung trong phong cách nghệ thuật của các nhà thơ Quang Dũng, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm được thể hiện qua các bài thơ Tây Tiến, Việt Bắc và đoạn trích Đất Nước?

Gợi ý:

1/ Phong cách nghệ thuật là gì? Biểu hiện của phong cách nghệ thuật?

2/ Mặc dù nói đến phong cách nghệ thuật là nói đến cái riêng sự độc đáo của người nghệ sĩ trong sáng tác nhưng trong những trường hợp đặc biệt như: các tác giả cùng chung phương pháp sáng tác, mục đích sáng tác, hoàn cảnh sáng tác ...thì ngoài nét riêng không trộn lẫn họ còn có sự gặp gỡ, điểm chung trong phong cách sáng tác.

3/ Quang Dũng, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm là những nhà thơ tiêu biểu của văn học Việt Nam 1945-1975 nên có gặp gỡ trong một số nét phong cách.

a/ Giới thiệu thật ngắn gọn 3 tác giả tác phẩm.

b/ Nét chung trong phong cách nghệ thuật của 3 nhà thơ.

– Các tác phẩm của họ đều mang đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 hay nói cách khác “phong cách văn học của thời đại chi phối sự hình thành phong cách nghệ thuật của các nhà văn và ngược lại” (SGK Ngữ văn 12 nâng cao trang 171).

+ Văn học phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu.

+ Văn học hướng về đại chúng.

+ Văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

– Biểu hiện cụ thể:

+ Về đề tài: Các tác giả thường viết về đề tài Tổ quốc, nhân dân, người lính và đề cập đến những vấn đề trọng đại liên quan đến vận mệnh của dân tộc và cộng đồng.

+ Về nhân vật trung tâm: là nhân dân anh hùng (người lính trong Tây Tiến, những người kháng chiến trong Việt Bắc, những con người bình dị vô danh làm nên Đất Nước trong đoạn trích Đất Nước).

+ Giọng điệu, cảm hứng chính: là cảm hứng tự hào, ngợi ca – ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân, ca ngợi những tình cảm lớn (đồng chí, tình yêu quê hương đất nước, tình quân dân, tình cảm với người lính, tình yêu lãnh tụ); lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc...

+ Về ngôn ngữ: trong sáng, dễ hiểu, sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ truyền thống gần gũi, quen thuộc với đông đảo quần chúng nhân dân....

c/ Lí giải vì sao có sự giống nhau:

– Các tác giả đều là những người con ưu tú trực tiếp tham gia vào cuộc chiến của dân tộc (nhà thơ-chiến sĩ).

– Cùng sáng tác dưới ánh sáng soi đường của Đảng, đề cương văn hoá của Đảng.

- Cùng sáng tác trong 30 năm chiến tranh.
- Cùng có tình yêu Tổ quốc, nhân dân anh hùng,...

4/ Đánh giá:

– Nét chung trong phong cách nghệ thuật của các tác giả đã góp phần làm nên diện mạo của văn học Việt Nam 30 năm chiến tranh và cổ vũ chiến đấu.

– Ngoài nét chung mỗi tác giả vẫn có nét riêng đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt của sáng tạo nghệ thuật: không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình (nêu qua phong cách nghệ thuật của mỗi nhà thơ).

– Các tác giả và tác phẩm của họ sẽ sống mãi cùng độc giả mọi thời đại bởi những đóng góp lớn lao cho nền văn học dân tộc và mỗi chúng ta tự hào về họ

Đề 9 : Đoạn thơ sau trong bài Việt Bắc của Tố Hữu:

Ta về, mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rùng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.
được coi là bức tranh tứ bình về Việt Bắc.

Đoạn thơ:

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
được xem là bức tranh Việt Bắc ra quân.
Em hãy phân tích và so sánh hai bức tranh đó.

So sánh bức tranh tứ bình với bức tranh Việt Bắc ra quân (Việt Bắc-Tố Hữu)

Gợi ý:

1. Nêu vấn đề cần nghị luận
2. Phân tích 2 đoạn thơ
3. Đoạn 1

– Giải thích bức tranh tứ bình: loại tranh dân gian đặc biệt, miêu tả bốn mùa trong năm, mỗi mùa với một cảnh sắc riêng biệt, với những loại cây, loại hoa đặc trưng

cho mùa đó. Qua bức tranh ấy, tác giả gửi vào đó ước mong và khát vọng hướng thiện của mình. Tranh thường treo trong nhà nhất là nhân dịp xuân về, tết đến, tạo ra một phong cảnh bốn mùa thanh đậm.

– Gọi đoạn thơ này của Tố Hữu là bức tranh tứ bình là phù hợp bởi ở đây Tố Hữu đã miêu tả rất đạt phong cảnh bốn mùa của núi rừng Việt Bắc với những nét đặc trưng riêng của từng mùa (phân tích lần lượt bức tranh bốn mùa Đông-Xuân- Hạ – Thu).

– Trong bức tranh ấy có gam màu xanh tĩnh lặng của núi rừng Việt Bắc làm nền. Lòng trong các bức tranh ấy là những nét chấm phá của hoạt động con người (phân tích dẫn chứng). Sự kết hợp giữa âm thanh và hình ảnh đã tạo ra sự sống động cho bộ tranh tứ bình này mà qua đó cảnh đẹp càng đẹp thêm, tình người được nhấn mạnh và toát lên một không khí đầm ấm, yên vui như là khát vọng hoà bình của con người nơi đây.

– Bức tranh tứ bình của Tố Hữu tạo nên cảnh trong tình, tình trong cảnh nên có vẻ đẹp riêng, qua đó người dân miền núi được hiện ra với vẻ đẹp chân chất, hồn hậu, chịu thương chịu khó, một lòng che chở và thủy chung với cách mạng, sẵn sàng hi sinh vì cách mạng.

– Nghệ thuật: Tính chất đối đáp quen thuộc của ca dao, đại từ mình và ta được sử dụng hiệu quả, ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của ngôn ngữ dân gian...tạo ra giọng điệu trữ tình nghe êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru đưa ta vào thế giới của kỉ niệm và nghĩa tình chung thủy.

1. Đoạn 2

– Việt Bắc không chỉ là căn cứ địa, nơi chỉ huy của cách mạng mà Việt Bắc còn là nơi tập trung lực lượng để tạo ra chiến thắng và giành chiến thắng cách mạng.

– Đằng sau bức tranh thiên nhiên có vẻ tĩnh lặng là hoạt động sôi nổi của các lực lượng cách mạng (phân tích dẫn chứng để thấy đội ngũ trùng trùng, điệp điệp của những đoàn bộ đội, dân công, xe vận tải ra chiến trường...có thể liên hệ với những

câu thơ của Tố Hữu trong Ta đi tới: Ta đi tới!/Trên đường ta bước tiếp Rắn như thép, vững như đồng/ Đội ngũ ta trùng trùng, điệp điệp/Cao như núi, dài như sông/ Chí ta lớn như Biển Đông trước mặt hay Xuân hãy xem! Cuộc diễn binh hùng vĩ/Ba mươi một triệu nhân dân/ Tất cả hành quân/Tất cả thành chiến sĩ) không khí xuất quân của Việt Bắc được miêu tả với phong cách sử thi với một khí thế oai hùng đặc biệt. Những câu thơ mang âm hưởng của anh hùng ca, mang màu sắc của một sử thi hiện đại cho thấy khí thế mạnh mẽ của một dân tộc đứng lên chiến đấu giành độc lập tự do. Dân tộc ấy dám hi sinh, vượt qua bao gian khổ thiếu thốn để lập chiến công, biến đau thương thành sức mạnh lớn để tiêu diệt kẻ thù.

– Sự xuất quân đó đã dẫn tới tin vui “chiến thắng trăm miền”, niềm vui đưa đến từ mọi chiến trường: Từ Nam ra Bắc, từ Tây sang Đông, từ đồng bằng đến miền núi, từ miền ngược xuống miền xuôi... càng làm cho Việt Bắc vui hơn. Việt Bắc trở thành tâm điểm của niềm vui và nơi tạo dựng niềm vui Việt Nam bất tận. Bức tranh đã cho thấy khí thế hào hùng của cả một dân tộc và sức mạnh vĩ đại của cả cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

– Nghệ thuật:

+ Nhịp thơ từ êm ả, tha thiết trong hoài niệm về nghĩa tình với Việt Bắc đã chuyển sang nhịp điệu sôi nổi, dồn dập, mạnh mẽ.

+ Về bút pháp xây dựng hình ảnh: thiên về những hình ảnh rộng lớn, hùng tráng, kì vĩ, đậm chất sử thi.

+ Biện pháp tu từ được sử dụng hiệu quả: từ láy, động từ, tính từ gợi tả, các phép tu từ...

Khía cạnh so sánh Đoạn 1 Đoạn 2

Chủ đề Thiên nhiên và con người Việt Bắc trong lao động Việt Bắc trong chiến đấu và chiến thắng

Hình ảnh con người Cá nhân Tập thể

Mối quan hệ con người – thiên nhiên Con người và thiên nhiên đẹp trong sự hài hoà của bức tranh bốn mùa Thiên nhiên hùng vĩ làm phong nền cho những người anh hùng xuất hiện

Nhịp thơ Chậm, tha thiết Nhanh, dồn dập

Ý nghĩa Khúc tình ca Khúc hùng ca

2. Vẻ đẹp chung của hai bức tranh:

– Hai bức tranh mà Tố Hữu tạo ra trong bài thơ này mỗi bức có một vẻ đẹp riêng song cùng làm nổi bật vẻ đẹp của chiến khu Việt Bắc: vẻ đẹp của núi rừng, vẻ đẹp của sự trưởng thành cách mạng, vẻ đẹp tình người, vẻ đẹp của tư thế xung trận...

– Hai bức tranh chính là những ấn tượng, những kỉ niệm không thể nào quên của những người cán bộ cách mạng đã từng hoạt động ở chiến khu Việt Bắc. Tác giả không chỉ tái hiện mà còn thể hiện niềm tự hào về cảnh sắc thiên nhiên, đất trời và con người ở đó. Tôi phải lòng đất nước quê hương vì vậy tôi viết về nó một cách say mê như viết về người phụ nữ tôi yêu (Tố Hữu).

– Hai bức tranh đều thể hiện lòng yêu chuộng hoà bình của dân tộc Việt Nam.

– Cả hai bức tranh đều tạo ra những gam màu đặc trưng để tạo hình, tạo cảnh.

– Mỗi đoạn đều có hai dòng thơ mở đầu khái quát nội dung toàn đoạn, các dòng còn lại cụ thể hoá nội dung đó.

– Âm điệu những câu thơ lục bát làm cho cảnh vật được miết tả trở nên trong trẻo, du dương, tạo nên nền nhạc cảnh hài hoà giữa thiên nhiên và con người. Cả hai đoạn thơ đều rất thành công góp phần làm nên vẻ đẹp của bài thơ.

Đề 10 : Đề thi học sinh giỏi: Nhận định của Xuân Diệu về bài thơ Việt Bắc- Tố Hữu

Xuân Diệu cho rằng: “Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đời trữ tình”. Bằng đoạn trích Việt Bắc trong SGK Ngữ văn 12, anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến ấy.

Gợi ý:

Mở bài: Tố Hữu là nhà thơ tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị. Dẫn ý kiến.

Thân bài:

Giải thích:

– Thơ chính trị: Là thơ trực tiếp đề cập đến những vấn đề chính trị, những sự kiện chính trị nhằm mục đích tuyên truyền, cổ động. Chính vì thế, thơ chính trị thường có nguy cơ rơi vào khô khan, áp đặt.

– Ý kiến của Xuân Diệu: Tố Hữu đã “trữ tình hóa” thơ chính trị, để thơ chính trị thực sự là thơ, có sức rung cảm sâu xa. Đây là ý kiến đánh giá rất cao về thơ Tố Hữu.

Bình luận

– Ý kiến của Xuân Diệu rất xác đáng và tinh tế, đánh giá, ghi nhận đúng vị trí đặc biệt và thành tựu lớn lao của đời thơ Tố Hữu.

– Thơ Tố Hữu đúng là thơ chính trị, bởi đề tài trong thơ Tố Hữu là những vấn đề chính trị, hồn thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn và niềm vui lớn của Đảng, dân tộc, cách mạng (chứng minh điều này qua các tập thơ từ Từ ấy đến Máu và hoa, phần đầu của phong cách thơ Tố Hữu trong SGK).

– Nhưng thơ Tố Hữu cũng rất đời trữ tình. Tố Hữu đã đưa thơ trữ tình chính trị lên đến đỉnh cao. Có được điều ấy là nhờ những vấn đề chính trị trong thơ Tố Hữu đã được thực sự chuyển hóa thành những vấn đề của tình cảm, cảm xúc rất mực tự nhiên, chân thành, đắm thấm với một giọng thơ ngọt ngào, tâm tình, giọng của tình thương mến (Tiếng ru, Bác ơi, Quê mẹ...).

Chứng minh qua Việt Bắc

Chú ý làm rõ các điểm cơ bản sau:

– Việt Bắc là thơ chính trị: (đề cập đến sự kiện lịch sử là cuộc chia tay giữa những người kháng chiến với nhân dân Việt Bắc tháng 10 năm 1954, cảm hứng chủ đạo

của bài thơ là cảm hứng ân tình cách mạng, niềm biết ơn sâu sắc với Đảng, Bác Hồ, căn cứ địa cách mạng, nhân dân...).

– Nhưng Việt Bắc cũng rất đổi trữ tình:

+ Nỗi nhớ đậm sâu, tràn trề, mênh mang, lan tỏa cả không gian và thời gian của “ta” và “mình”, người đi và kẻ ở gắn liền với tình cảm sắt son chung thủy – nỗi nhớ về cảnh và người, nỗi nhớ về những kỉ niệm... Bài thơ mang âm điệu của một bản tình ca ngọt ngào, đậm thắm (chú ý những câu nói về nỗi nhớ, khẳng định tình nghĩa).

+ Cùng với nỗi nhớ, cảnh và người Việt Bắc hiện lên với những chi tiết vừa chân thực, giản dị, vừa lộng lẫy, tươi tắn, thơ mộng, giàu sức rung động lòng người (chú ý “Nhớ gì như nhớ người yêu... Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung).

+ Niềm vui hân hoan, âm điệu hùng tráng đậm chất sử thi (đoạn 2 – khúc hùng ca).

+ Giọng điệu ngọt ngào, tâm tình với kết cấu đối đáp, cách xưng hô mình – ta và thể thơ lục bát truyền thống, sở trường sử dụng từ láy và các hình ảnh so sánh ví von đậm đà tính dân tộc.

Kết bài:

– Khẳng định lại ý kiến.

– Những câu thơ giản dị và đậm thắm về Việt Bắc của nhà thơ Tố Hữu, ta càng thêm kính, thêm yêu miền đất cội nguồn.

– Khẳng định ý nghĩa và đóng góp quan trọng của thơ Tố Hữu trong dòng văn học cách mạng của dân tộc.